



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

10

Tháng 5 - 2020

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ VIỆN KINH TẾ XÂY DỰNG LẦN THỨ VII THÀNH CÔNG TỐT ĐẸP

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2020



Đồng chí Lê Văn Toàn - Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Bộ Xây dựng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ (Bộ Xây dựng) phát biểu chỉ đạo tại Đại hội



Đồng chí Lê Văn Cư – Bí thư Đảng ủy, Viện trưởng Viện Kinh tế Xây dựng trình bày Báo cáo Chính trị tại Đại hội

THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ
TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ HAI MỘT

10

SỐ 10 - 5/2020



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@voc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 5
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 7
- Bộ Xây dựng ban hành Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BXD: Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải 9
- Bộ Xây dựng ban hành Chỉ thị về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư năm 2020 11

Văn bản của địa phương

- UBND tỉnh Hà Giang ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền thẩm định dự án, cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh 13
- UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn tỉnh 13

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

BẠCH MINH TUẤN

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN
(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẬN

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

CN. TRẦN ĐÌNH HÀ

CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

CN. NINH HOÀNG HẠNH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Hội nghị thẩm định Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Đại học Đà Nẵng, tỷ lệ 1/2.000 16
- Nghiên cứu Nhiệm vụ “Đánh giá, kiểm kê khí nhà kính trong quản lý chất thải rắn và đề xuất các giải pháp quản lý chất thải rắn phù hợp nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính” 17
- Nghiên cứu, đánh giá, đề xuất mô hình quản lý phát triển đô thị phù hợp với điều kiện Việt Nam 19
- Nghiên cứu Đề tài KHCN “Nghiên cứu giải pháp quy hoạch, thiết kế không gian trữ nước và thảm xanh cho các đô thị nhằm thích ứng với ngập lụt đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu” 20
- Nghiên cứu đề tài “Nghiên cứu xây dựng tiêu chí độ che phủ xanh hướng đến phát triển đô thị tăng trưởng xanh” 22
- Thẩm định Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 23

Thông tin

- Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn họp trực tuyến với Đoàn Chương trình 2020 (CPM 2020) của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) 26
- Công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2019, Bộ Xây dựng tăng 3 bậc so với năm 2018 27
- Đại hội Đảng bộ Viện Kinh tế Xây dựng lần thứ VII thành công tốt đẹp 28
- Đại hội Đảng bộ Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị nhiệm kỳ 2020 -2025: Đoàn kết - Sáng tạo - Đổi mới - Phát triển 30
- Xu hướng phát triển các khu công nghiệp, các vùng sản xuất của Moskva (Liên bang Nga) 33
- Khám phá mô hình quản lý thi công công trình xanh tại Trung Quốc 37
- Trung Quốc xây dựng mô hình mới trong xử lý rác thải nhà bếp, hỗ trợ nâng cao trình độ mới trong bảo vệ môi trường sinh thái 40
- Xây dựng các thành phố xanh - Kinh nghiệm quy hoạch đô thị bền vững của châu Âu 43



Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 620/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Phạm vi quy hoạch: Phần lãnh thổ tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích tự nhiên là 6.349 km², bao gồm 15 đơn vị hành chính cấp huyện: Thành phố Rạch Giá, thành phố Hà Tiên và các huyện: Giang Thành, Kiên Lương, Hòn Đất, Tân Hiệp, Châu Thành, Giồng Riềng, Gò Quao, An Biên, An Minh, Vĩnh Thuận, U Minh Thượng, Phú Quốc và Kiên Hải.

- Phía Tây, Tây Nam tiếp giáp với vịnh Thái Lan;
- Phía Bắc tiếp giáp với Vương quốc Campuchia;
- Phía Đông, Đông Bắc giáp các tỉnh, thành phố: An Giang, Cần Thơ và Hậu Giang;
- Phía Nam giáp tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu.

2. Quan điểm, nguyên tắc lập quy hoạch

- Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng, nội dung của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm thời kỳ 2021 - 2030, Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 và tầm nhìn Việt Nam, các chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quan trọng của cả nước; các điều ước quốc tế mà Việt Nam là nước thành viên.

- Đảm bảo tính nhân dân, tuân thủ, liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc, tương thích trong hệ

thống quy hoạch quốc gia; tính tổng thể, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực, các địa phương trong tỉnh vừa đáp ứng các nhu cầu trong hiện tại, vừa tạo nền tảng phát triển cho các thời kỳ tiếp theo, hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân; tính khả thi, khoa học, khách quan, công khai, minh bạch; ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, tiết kiệm, hiệu quả.

- Đánh giá đầy đủ các điều kiện, yếu tố và dự báo xu hướng, bối cảnh, tình hình quốc tế, khu vực, trong nước tác động đến phát triển của Tỉnh trong thời kỳ quy hoạch; đánh giá khả năng khai thác liên kết vùng, hợp tác các địa phương trong cả nước, trước hết là kết nối giữa tỉnh Kiên Giang với các tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nhất là kết nối hạ tầng liên vùng, cùng quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và các cân đối thị trường hàng hóa, dịch vụ thiết yếu.

- Xây dựng quan điểm, thiết lập tầm nhìn và xác định mục tiêu, định hướng không gian phát triển mới để phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh đặc thù, riêng biệt, độc đáo của Kiên Giang so với các địa phương khu vực bán đảo Cà Mau và các tỉnh lân cận, chú trọng những mô hình phát triển mới, năng động như phát triển đô thị, vùng kinh tế trọng điểm ven biển, năng lượng tái tạo, nông nghiệp chất lượng cao thích ứng với biến đổi khí hậu, khai thác, nuôi trồng hải sản xa bờ, công nghiệp chế biến, kinh tế biển, phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng đẳng cấp quốc tế.

- Đáp ứng cao nhất nhu cầu giao thương, hợp tác, thu hút đầu tư phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa, hội nhập quốc tế, đặc biệt là quan hệ với Vương quốc Campuchia; yêu cầu phát triển của các ngành, lĩnh vực quan trọng; yêu cầu bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn; đảm bảo an sinh xã hội, bình đẳng giới, giảm nghèo bền vững, nâng cao mức sống vật chất, thụ hưởng tinh thần của nhân dân; phát huy, duy trì và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; quan tâm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đảm bảo sinh kế bền vững cho người dân; đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên.

- Bảo đảm các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch quy định tại Điều 4 Luật Quy hoạch năm 2017.

3. Nội dung lập quy hoạch

a) Yêu cầu

- Định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trên cả 3 trụ cột: Kinh tế, xã hội và môi trường; phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Đảm bảo tính liên kết, đồng bộ, khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có giữa các ngành và các vùng liên huyện, các địa phương trên địa bàn tỉnh; xác định cụ thể các khu vực sử dụng cho mục đích quân sự, quốc phòng, an ninh ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện.

- Xây dựng và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh.

- Ứng dụng công nghệ hiện đại, số hóa,

thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình lập Quy hoạch; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế và liên kết vùng.

b) Nội dung

Nội dung Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải thực hiện theo đúng các quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017 và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của địa phương.

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn.

- Đánh giá về việc thực hiện Quy hoạch thời kỳ trước.

- Xây dựng quan điểm, xác định mục tiêu và lựa chọn các phương án phát triển, phương án quy hoạch, phương hướng phát triển các ngành quan trọng và phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh:

+ Xây dựng quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh.

+ Xác định phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh.

+ Xây dựng và lựa chọn các phương án:

. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội;

. Phương án quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, các khu vực và khu chức năng; phương án tổ chức lãnh thổ và phân bố dân cư (thực hiện theo đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017);

. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội (thực hiện theo đúng quy định tại các điểm đ, e, g, h, i, k khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017);

. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai

theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện;

. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện;

. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng hóa sinh học trên địa bàn tỉnh;

. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh;

. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả

tác hại do nước gây ra;

. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;

. Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện;

. Giải pháp, nguồn lực thực hiện Quy hoạch.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 624/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Phạm vi ranh giới quy hoạch:

- Phần lãnh thổ tỉnh Sơn La với tổng diện tích tự nhiên là 14.174 km².

+ Phía Bắc và Tây Bắc giáp tỉnh Yên Bái, Lai Châu;

+ Phía Đông giáp tỉnh Phú Thọ, Hòa Bình;

+ Phía Tây giáp tỉnh Điện Biên;

+ Phía Nam giáp tỉnh Thanh Hóa và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

2. Mục tiêu lập Quy hoạch

- Là công cụ để chính quyền các cấp lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý toàn diện, thống nhất trên địa bàn tỉnh Sơn La; là căn cứ để hoạch định chính sách và kiến tạo động lực phát triển, tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa quy hoạch quốc gia với quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững; là cơ sở khoa học và thực tiễn để triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn trên địa

bàn tỉnh Sơn La.

- Xây dựng kịch bản phát triển, ý tưởng và phương án tổng thể, bố trí hợp lý không gian nhằm giải quyết các vấn đề xung đột về không gian trong địa bàn tỉnh hiện nay và định hướng không gian cho các nhu cầu phát triển trong tương lai trên cơ sở huy động hợp lý các điều kiện bên trong và thu hút các nguồn lực từ bên ngoài.

- Đề xuất các định hướng, nhiệm vụ và giải pháp để đẩy nhanh việc thực hiện các khâu đột phá chiến lược; hướng tới phát triển nhanh và bền vững trong trung và dài hạn trên cả 4 trụ cột: phát triển kinh tế - phát triển văn hóa - bảo vệ môi trường - bảo đảm quốc phòng an ninh.

3. Nguyên tắc lập quy hoạch:

- Đảm bảo sự tuân thủ, bám sát các quy trình, nội dung, nguyên tắc theo Luật Quy hoạch, Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch; các pháp luật chuyên ngành có liên quan đến phân bố không gian, tổ chức mạng lưới, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Đảm bảo tính thống nhất, tổng thể, đồng bộ và hệ thống giữa quy hoạch tỉnh với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và

đảm bảo sự kết hợp hiệu quả giữa quản lý ngành/lĩnh vực với quản lý lãnh thổ, bảo vệ môi trường và quốc phòng - an ninh; các phân tích, đánh giá và định hướng phát triển được dựa trên mối quan hệ tổng thể, có tính hệ thống, tính kết nối liên ngành, liên lĩnh vực và liên vùng.

- Đảm bảo tính bền vững và dài hạn trong lập quy hoạch dựa trên cả 4 trụ cột: phát triển kinh tế - phát triển văn hóa - bảo vệ môi trường - bảo đảm quốc phòng an ninh cho một thời gian dài, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đảm bảo tính khả thi và thích ứng trong triển khai, phù hợp với nguồn lực thực hiện của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 và khả năng huy động nguồn lực trong tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng các phương án, định hướng phát triển phù hợp với xu thế phát triển và vận động của bối cảnh trong và ngoài nước, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đảm bảo tính kế thừa và tính mở để tiếp cận các phương pháp quy hoạch hiện đại; ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, tiết kiệm, hiệu quả; đảm bảo tính liên kết không gian, thời gian trong quá trình lựa chọn các công cụ sử dụng trong hoạt động quy hoạch; nội dung quy hoạch sẽ chọn lọc, kế thừa các chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước cũng như các quy hoạch cấp quốc gia trước đó.

- Đảm bảo tính thị trường trong việc huy động các yếu tố, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như trong xây dựng định hướng phát triển, tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn; đảm bảo nguyên tắc thị trường có sự quản lý của Nhà nước trong phân bổ nguồn lực phát triển.

- Đảm bảo tính khách quan, công khai, minh bạch, có sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân theo quy định; đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của nhà nước và lợi ích của cộng đồng và giữa lợi ích của các vùng, các huyện, thành phố trong tỉnh.

- Đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên cũng như các văn bản pháp luật về biên giới quốc gia và quy hoạch cửa khẩu; gắn phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và chủ quyền biên giới; chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế, tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác với các tỉnh khu vực biên giới Việt Nam - Lào.

4. Nội dung của quy hoạch

- Nội dung Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017 và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NQ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

+ Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Sơn La;

+ Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn;

+ Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh;

+ Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh;

+ Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội;

+ Phương án quy hoạch hệ thống đô thị; phương án phát triển đô thị tỉnh lỵ, thành phố, thị xã và các thị trấn trên địa bàn;

+ Phương án phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao; khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; phương án phát triển các cụm công nghiệp;

+ Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phương án phân bổ hệ thống điểm dân cư;

+ Xác định khu quân sự, an ninh; phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn; phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực của tỉnh;

+ Phương án phát triển mạng lưới giao thông; mạng lưới cấp điện; mạng lưới viễn thông; mạng lưới thủy lợi, cấp nước; các khu xử lý chất thải;

+ Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội;

+ Lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện;

+ Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện;

+ Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh;

+ Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

+ Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

+ Phương án phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;

+ Xây dựng danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện;

+ Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch;

+ Xây dựng báo cáo quy hoạch gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Bộ Xây dựng ban hành Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BXD: Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải

Ngày 27/04/2020, Bộ Xây dựng đã ban hành Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BXD: Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải.

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Nghị định này quy định về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu dân cư nông thôn tập trung, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên lãnh thổ Việt Nam.

- Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Nguyên tắc chung quản lý thoát nước và xử lý nước thải

- Dịch vụ thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung là loại hình hoạt động công ích, được Nhà nước quan tâm, ưu tiên và khuyến khích đầu tư nhằm đáp ứng yêu cầu thoát nước và xử lý nước thải, bảo đảm phát triển bền vững.

- Người gây ô nhiễm phải trả tiền xử lý ô nhiễm, nguồn thu từ dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải phải đáp ứng từng bước và tiến tới bù đắp chi phí dịch vụ thoát nước.

- Nước mưa, nước thải được thu gom; nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

- Nước thải có tính chất nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Hệ thống thoát nước được xây dựng đồng bộ, được duy tu, bảo dưỡng. Ưu tiên sử dụng công nghệ xử lý nước thải thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội

của địa phương. Thoát nước và xử lý nước thải phải đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

- Các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước có liên quan đến kết cấu hệ thống hạ tầng giao thông đường bộ phải có phương án bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ và hoàn trả nguyên trạng hoặc khôi phục lại nếu làm hư hỏng công trình giao thông.

- Các dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan đến hệ thống thoát nước phải có phương án bảo đảm sự hoạt động bình thường, ổn định hệ thống thoát nước.

- Huy động sự tham gia của cộng đồng vào việc đầu tư, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

3. Quy định quy chuẩn kỹ thuật về nước thải

- Nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

- Nước thải từ các nhà máy trong khu công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước tập trung của khu công nghiệp phải tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý môi trường khu công nghiệp và các quy định của cơ quan quản lý thoát nước trong khu công nghiệp.

- Nước thải từ các hộ thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung xả vào hệ thống thoát nước tại khu vực nông thôn phải tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường khu dân cư nông thôn tập trung và các quy định quản lý hệ thống thoát nước địa phương.

- Nước thải từ các hộ thoát nước, khu công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước đô thị phải bảo đảm các quy chuẩn kỹ thuật về nước thải xả vào hệ thống thoát nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật về nước thải xử lý phi tập trung xả vào nguồn tiếp nhận để áp dụng phù hợp với giải pháp xử lý nước thải với quy mô

nhỏ, công nghệ đơn giản, đáp ứng được mức độ cần thiết làm sạch nước thải, thuận tiện trong quản lý, vận hành và bảo dưỡng hệ thống.

- Nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung xả vào hệ thống công trình thủy lợi phải đảm bảo các quy chuẩn xả vào hệ thống công trình thủy lợi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật về nước thải xả vào hệ thống công trình thủy lợi.

4. Các tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý nước thải

- Hiệu quả xử lý của công nghệ: đảm bảo mức độ cần thiết làm sạch nước thải, có tính đến khả năng tự làm sạch của nguồn tiếp nhận.

- Tiết kiệm đất xây dựng;

- Quản lý, vận hành và bảo dưỡng phải phù hợp với năng lực trình độ quản lý, vận hành của địa phương.

- Chi phí đầu tư hợp lý trong đó tính đến cả sự phụ thuộc vào công nghệ nhập khẩu.

- Phù hợp với đặc điểm điều kiện khí hậu, địa hình, địa chất thủy văn của khu vực và khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận.

- An toàn và thân thiện với môi trường.

- Có khả năng mở rộng về công suất hay cải thiện hiệu quả xử lý trong tương lai.

- Đảm bảo hoạt động ổn định khi có sự thay đổi bất thường về chất lượng nước đầu vào, thời tiết và biến đổi khí hậu.

- Mức độ phát sinh và xử lý bùn cặn

- Tiết kiệm năng lượng, có khả năng tái sử dụng nước thải, bùn thải sau xử lý.

5. Quản lý hệ thống thoát nước mưa và tái sử dụng nước mưa

a. Quản lý hệ thống thoát nước mưa

- Quản lý hệ thống thoát nước mưa bao gồm quản lý các công trình từ cửa thu nước mưa, các tuyến cống dẫn nước mưa, các kênh mương thoát nước chính, hồ điều hòa và các trạm bơm chống úng ngập, cửa điều tiết, các van ngăn triều (nếu có) đến các điểm xả ra môi trường;

- Các tuyến cống, mương, hố ga phải được nạo vét, duy tu, bảo trì định kỳ, bảo đảm dòng chảy theo thiết kế. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì nắp hố ga, cửa thu, cửa xả nước mưa. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng các tuyến cống, các công trình thuộc mạng lưới đề xuất phương án thay thế, sửa chữa.

- Thiết lập quy trình quản lý hệ thống thoát nước mưa bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định;

- Đề xuất các phương án phát triển mạng lưới thoát nước theo lưu vực.

b. Quy định tái sử dụng nước mưa

- Khuyến khích việc tái sử dụng nước mưa phục vụ cho các nhu cầu, góp phần giảm ngập

úng, tiết kiệm tài nguyên nước, giảm thiểu việc khai thác sử dụng nguồn nước ngầm và nước mặt;

- Tổ chức, cá nhân đầu tư thiết bị, công nghệ xử lý và tái sử dụng nước mưa được hỗ trợ vay vốn ưu đãi và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật;

- Việc tái sử dụng nước mưa cho các mục đích khác nhau phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước phù hợp.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015.

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

Bộ Xây dựng ban hành Chỉ thị về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư năm 2020

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, Bộ Xây dựng đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-BXD về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư năm 2020.

1. Đẩy nhanh công tác chuẩn bị thực hiện dự án, công tác lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định pháp luật, sớm khởi công công trình. Chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm tiến độ thi công công trình; Thực hiện các thủ tục thanh toán vốn đầu tư cho dự án trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có khối lượng được nghiệm thu theo quy định. Trong tháng 5/2020 phải hoàn thành việc thu hồi vốn ứng trước của các dự án được giao kế hoạch trong năm 2020 (Dự án đầu tư xây dựng Bảo tàng lịch sử quốc gia), trong tháng 7/2020 phải hoàn thành việc giải ngân toàn bộ số vốn kéo dài từ năm trước sang kế hoạch năm 2020 (Dự án tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học-Trường Đại học

Kiến trúc Hà Nội, Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp cơ sở nghiên cứu khoa học Viện Kiến trúc Quốc gia, Dự án đầu tư xây dựng Nhà giáo dục thể chất - Trường Cao đẳng nghề Việt Xô số 1). Đến hết 31/01/2021 phải hoàn thành 100% kế hoạch vốn năm 2020 được giao. Các chủ đầu tư phải cam kết tiến độ giải ngân với Bộ Xây dựng theo từng quý.

a) Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công năm 2020

- Đối với các dự án hoàn thành trong năm 2020: Tập trung hoàn thiện các hạng mục công trình, hoàn tất công tác nghiệm thu, thanh toán và giải ngân vốn cho các nhà thầu; khẩn trương lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trình Bộ Xây dựng thẩm tra, phê duyệt theo đúng quy định.

- Đối với dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020: Tăng cường đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công, tập trung hoàn thiện các

thủ tục pháp lý, nghiệm thu khối lượng hoàn thành để đủ điều kiện thanh toán cho các nhà thầu).

- Đối với dự án khởi công mới năm 2020: Hoàn thành việc lập, thẩm định trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của các dự án trong tháng 5/2020; Khẩn trương lập hồ sơ thiết kế và dự toán theo đúng quy định, trình Bộ Xây dựng thẩm định, phê duyệt chậm nhất trong tháng 7/2020 làm cơ sở lựa chọn nhà thầu và sớm khởi công công trình.

b) Đối với các dự án sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư năm 2020

- Các dự án đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất năm 2020 (Dự án cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất - Trường Đại học Xây dựng Miền Trung, Dự án cải tạo hệ thống phòng cháy chữa cháy Nhà lớp học (Nhà B) - Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị, Dự án cải tạo, nâng cấp kho lưu trữ tài liệu cơ quan Bộ Xây dựng, Dự án cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh, Dự án cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất - Trường Cao đẳng xây dựng số 1): Khẩn trương lập báo cáo kinh tế kỹ thuật cải tạo, sửa chữa trình Bộ Xây dựng phê duyệt chậm nhất trong tháng 5/2020 làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu để có thể triển khai dự án trong tháng 6/2020. Kiên quyết thay thế các đơn vị tư vấn lập thiết kế, dự toán, nếu triển khai công việc quá chậm, không đảm bảo theo tiến độ nói trên.

- Đến ngày 30/9/2020, các dự án có tỷ lệ giải ngân dưới 50% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 được giao sẽ điều chuyển vốn sang dự án

khác; Đến ngày 30/7/2020 các dự án không giải ngân toàn bộ số vốn được kéo dài từ năm trước sang năm 2020, nếu không có lý do khách quan cụ thể, kiên quyết cắt giảm số vốn không giải ngân hết để điều chuyển, bổ sung thanh toán cho các dự án đã có khối lượng hoàn thành. Bộ Xây dựng sẽ kiểm điểm trách nhiệm người đứng đầu chủ đầu tư về việc chậm tiến độ thực hiện và giải ngân.

- Đối với các dự án Đầu tư xây dựng công trình Nhà Quốc hội, dự án Đầu tư xây dựng công trình Nhà Quốc hội Lào: Đôn đốc các nhà thầu và các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ hoàn thành hồ sơ nghiệm thu, thanh toán để kịp thời giải ngân các khối lượng thực hiện; tập trung tối đa lực lượng để hoàn thành thủ tục nghiệm thu, thanh toán cho các nhà thầu; hoàn thiện hồ sơ quyết toán các gói thầu đã được Kiểm toán nhà nước kiểm toán, trình Bộ Xây dựng thẩm tra, phê duyệt theo đúng quy định (Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà Quốc hội); đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công công trình ... (Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nhà Quốc hội Lào); chủ động xử lý các vướng mắc hoặc kịp thời báo cáo Bộ Xây dựng các vướng mắc vượt quá thẩm quyền.

2. Định kỳ trước ngày 20 hàng tháng, các đơn vị có liên quan phải báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư năm 2020 về Bộ Xây dựng để theo dõi, quản lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin báo cáo.

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**UBND tỉnh Hà Giang ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền thẩm định dự án, cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh**

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, UBND tỉnh Hà Giang đã có Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền thẩm định dự án, cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Phân cấp thẩm quyền thẩm định dự án, cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Giang như sau:

1. Thẩm định dự án

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với các dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện chủ trì thẩm định các nội dung quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 đối với

thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ) đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

2. Cấp giấy phép xây dựng

- Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng cấp I, cấp II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh, trừ các công trình do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh cấp giấy phép xây dựng.

- Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng thuộc chức năng, phạm vi quản lý của đơn vị mình.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

Xem toàn văn tại (www.hagiang.gov.vn)

UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn tỉnh

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, UBND tỉnh Bình Định đã có Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ban hành Quy định quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn tỉnh.

1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này áp dụng đối với nhà chung cư có mục đích để ở và nhà chung cư có mục đích sử dụng hỗn hợp dùng để ở và sử dụng

vào các mục đích khác (bao gồm căn hộ dùng để ở, cơ sở lưu trú du lịch, công trình dịch vụ, thương mại, văn phòng và các công trình khác) theo quy định tại Luật Nhà ở năm 2014 bao gồm: Nhà chung cư thương mại, nhà chung cư xã hội; nhà chung cư phục vụ tái định cư, nhà chung cư cũ thuộc sở hữu nhà nước đã được cải tạo, xây dựng lại; nhà chung cư sử dụng làm nhà ở công vụ.

- Khuyến khích áp dụng Quy định này đối với nhà chung cư cũ thuộc sở hữu nhà nước mà chưa được cải tạo, xây dựng lại. Đối với nhà chung cư xã hội chỉ để cho học sinh, sinh viên và công nhân ở theo hình thức tập thể nhiều người trong một phòng thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

2. Đối tượng áp dụng

- Quy định này áp dụng cho các chủ đầu tư dự án xây dựng nhà chung cư; chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư; ban quản trị nhà chung cư; đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư; các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nhà chung cư; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn tỉnh.

3. Quy định chung

- Các quy định quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Bình Định thực hiện theo quy định tại các Thông tư 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2016 về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư; Thông tư 22/2016/TT-BXD ngày 01/7/2016 về việc bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật có quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh do Bộ Xây dựng ban hành hoặc liên tịch ban hành; Thông tư số 28/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 10/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng quy định việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp

vụ quản lý vận hành nhà chung cư, Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản, việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản và một số quy định của Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Thông tư số 06/2019/TT-BXD ngày 31/10/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến quản lý, sử dụng nhà chung cư (gọi tắt là Thông tư số 06/2019/TT-BXD).

- Các quy định quản lý, sử dụng nhà chung cư theo các Thông tư nêu trên được hợp nhất trong Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BXD ngày 17/12/2019 của Bộ Xây dựng về hợp nhất các Thông tư ban hành quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư.

4. Đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư

- Đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư thực hiện theo khoản 5 Điều 2 của Thông tư số 06/2019/TT-BXD.

- Trường hợp Hội nghị nhà chung cư được tổ chức 2 lần nhưng đại diện chủ sở hữu nhà chung cư không quyết nghị việc ký hợp đồng với đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư đủ điều kiện năng lực, Ban quản trị quyết định ký hợp đồng với đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư đủ điều kiện năng lực thực hiện quản lý vận hành nhà chung cư đến khi tổ chức Hội nghị nhà chung cư thường niên quyết nghị lựa chọn đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư.

5. Giải quyết tranh chấp

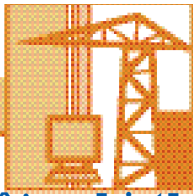
- Việc giải quyết tranh chấp nhà chung cư thực hiện theo quy định tại Điều 43 Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 02/2016/TT-BXD và Khoản 15 Điều 3 của Thông tư số 28/2016/TT-BXD.

- Các tranh chấp về kinh phí quản lý vận hành nhà chung cư, về việc bàn giao, quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì phần sở hữu chung của nhà chung cư do UBND tỉnh Bình Định ủy quyền cho UBND cấp huyện nơi có nhà chung cư đó giải quyết; trường hợp không đồng ý với quyết định của UBND cấp huyện nơi có nhà

chung cư thì có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/6/2019.

Xem toàn văn tại (www.binhdinh.gov.vn)



Hội nghị thẩm định Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Đại học Đà Nẵng, tỷ lệ 1/2.000

Ngày 15/5/2020 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Đại học Đà Nẵng, tỷ lệ 1/2.000. Tham dự Hội nghị có các thành viên của Hội đồng thẩm định - đại diện các Bộ ngành TW, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành, Đại học Đà Nẵng, 2 địa phương Quảng Nam, Đà Nẵng. Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Tường Văn chủ trì Hội nghị.

Tại Hội nghị, đại diện đơn vị tư vấn lập đồ án - Liên danh Tư vấn Viện quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia - Woods Bagot Pty Ltd (WB) đã trình bày tóm tắt báo cáo thuyết minh Đồ án và nêu lý do và sự cần thiết lập điều chỉnh quy hoạch. Báo cáo cho biết, từ khi Quy hoạch chung (QHC) Đại học Đà Nẵng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (QĐ số 1057/1997/QĐ-TTg ngày 09/12/1997) và triển khai đến nay đã có nhiều thay đổi, bất cập cần phải điều chỉnh. Hơn 20 năm triển khai thực hiện, trên phần diện tích đã được thành phố bàn giao khoảng 38,95 ha chiếm tỉ lệ 13%, Đại học Đà Nẵng đã lập một số Quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho các trường thuộc Đại học Đà Nẵng (Trường Đại học CNTT và Truyền thông Việt - Hàn, trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin và khoa Y- Dược). Tuy nhiên, do khó khăn về kinh phí, hiện tại trong khu đất dự án vẫn còn phần lớn diện tích chưa được đầu tư xây dựng. Bên cạnh đó, một số nội dung không thể triển khai theo quy hoạch chung năm 1997 như: Về quy hoạch sử dụng đất (khu vực thành phố Đà Nẵng đã tổ chức quy hoạch một số khu chức năng của khu Đại học trong ranh giới quy hoạch, khu vực tỉnh Quảng Nam có đề nghị giữ lại phần dân cư hiện hữu có mật độ dân cư đông đúc và khu nghĩa



Toàn cảnh Hội nghị

trang nhân dân); Về hệ thống hạ tầng khung (có sự thay đổi trong quá trình bố trí các khu chức năng, các đơn vị thành viên như: Trường Đại học CNTT và Truyền thông Việt - Hàn, Trường Cao đẳng công nghệ thông tin và khoa Y- Dược...); Một số định hướng phân khu chức năng theo quy hoạch chung đã duyệt nay không còn phù hợp với Chiến lược phát triển Đại học Đà Nẵng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 cần xem xét, đánh giá và đề xuất các phương án điều chỉnh cho phù hợp.

Đồ án Quy hoạch phân khu (QHPK) xây dựng Đại học Đà Nẵng, tỷ lệ 1/2.000 có quy mô đất đai 300 ha, nằm trên địa bàn quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng và thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Dự kiến số lượng sinh viên: 60.000 sinh viên; số lượng cán bộ giảng dạy và làm việc: >3.000 người; dân cư hiện trạng và phát triển mới: khoảng 5.000 người.

Tại Hội nghị, các thành viên Hội đồng thẩm định và hai chuyên gia phản biện đánh giá Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Đại học Đà Nẵng, tỷ lệ 1/2.000 đã được lập cơ bản đáp ứng và phù hợp với nội dung các yêu cầu của nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số

227/QĐ-TTg ngày 25/02/2019. Đồ án đã đưa ra các giải pháp cụ thể về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan phù hợp, bố cục phân khu chức năng gồm các khu học tập và các cơ sở nghiên cứu khoa học, khu nghiên cứu - phát triển ương tạo; khu dùng chung, khu thương mại và các khu lưu trú; Phương án quy hoạch sử dụng đất tiết kiệm và thân thiện với môi trường mang lại nét đặc trưng riêng phù hợp với tính chất là Khu chức năng đặc thù, là trung tâm giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, đa lĩnh vực cấp quốc gia và quốc tế. Các giải pháp về quy hoạch hạ tầng kỹ thuật: giao thông, san nền, cấp nước, cấp điện và các công trình hạ tầng kỹ thuật phù hợp kết nối với khu vực lân cận trên hai địa bàn thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam và quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Các thành viên Hội đồng thẩm định cũng đóng góp một số ý kiến, đề nghị đơn vị tư vấn lập Đồ án bổ sung. Theo đó, Đồ án cần xem xét bổ sung các nội dung vào bản đồ hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và thuyết minh các số liệu về hạ tầng như quy mô đất nghĩa trang hiện hữu, các tuyến

kết nối đã được xác định trong QHC Đại học Đà Nẵng; Về cấu trúc giao thông trong khu QHPK: cần làm rõ các tuyến đường hiện trạng sử dụng lại, bổ sung nội dung giao thông tĩnh, vị trí, quy mô các bãi đỗ xe công cộng, giao thông công cộng trong khu vực QH và kết nối giao thông công cộng toàn khu vực; Đề xuất danh mục các dự án ưu tiên đầu tư nên phân thành các hạng mục hoặc theo khối quản lý đầu tư như: Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khung, khu vực trung tâm, khu vực xây dựng các trường, khu vực tái định cư. Xác định lộ trình đầu tư, nguồn vốn và phân cấp đầu tư theo từng giai đoạn...v.v

Phát biểu kết luận Hội nghị, được sự ủy quyền của Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn, Vụ trưởng Vụ Quy hoạch-Kiến trúc Trần Thu Hằng tổng hợp ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định về Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Đại học Đà Nẵng, tỷ lệ 1/2.000 và đề nghị đơn vị tư vấn lập Đồ án bổ sung hoàn thiện Đồ án theo góp ý của Hội đồng.

Ninh Hoàng Hạnh

Nghiệm thu Nhiệm vụ “Đánh giá, kiểm kê khí nhà kính trong quản lý chất thải rắn và đề xuất các giải pháp quản lý chất thải rắn phù hợp nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính”

Ngày 18/5/2020, tại Hà Nội, Hội đồng KHCB Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp nghiệm thu Nhiệm vụ “Đánh giá, kiểm kê khí nhà kính trong quản lý chất thải rắn và đề xuất các giải pháp quản lý chất thải rắn phù hợp nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính” do Công ty Tư vấn EPRO thực hiện. Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường Vũ Ngọc Anh - Chủ tịch Hội đồng, chủ trì cuộc họp.

Báo cáo kết quả thực hiện Nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký, ThS. Tăng Thị Hồng Loan -

Chủ trì Nhiệm vụ nêu lên lý do, sự cần thiết phải tiến hành đánh giá, kiểm kê khí nhà kính trong quản lý chất thải rắn, đề xuất các giải pháp quản lý chất thải rắn phù hợp nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, đồng thời cho biết, mục tiêu của Nhiệm vụ là tính toán lượng phát thải khí nhà kính của chất thải rắn theo Hướng dẫn của Ủy ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC) và lập báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính cho các năm 2014 và 2016.

ThS. Tăng Thị Hồng Loan nhấn mạnh nội

dung công việc nhóm nghiên cứu cần thực hiện là nghiên cứu Hướng dẫn của IPCC và các tổ chức quốc tế để xây dựng phương pháp, biểu mẫu tính toán phát thải khí nhà kính; thu thập số liệu, dữ liệu từ các cơ sở xử lý chất thải rắn; tính toán phát thải khí nhà kính hàng năm; nghiên cứu, đề xuất giải pháp quản lý chất thải rắn phù hợp nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; báo cáo tổng kết Nhiệm vụ.

Để thực hiện nhiệm vụ được giao, nhóm nghiên cứu đã tham khảo tài liệu trong nước, quốc tế, khảo sát thực tế, thu thập, tổng hợp thông tin, số liệu từ hơn 1.900 cơ sở xử lý chất thải rắn trên toàn quốc, tổ chức hội thảo nhằm tổng hợp ý kiến các chuyên gia, các nhà quản lý để hoàn thiện các sản phẩm theo yêu cầu.

Kết thúc quá trình nghiên cứu, Nhiệm vụ đề xuất duy trì, cập nhật số liệu định kỳ về phát thải khí nhà kính ít nhất 2 năm/lần; tiếp tục nghiên cứu giá trị các thông số: Thành phần chất thải, mức tiêu thụ năng lượng để giảm nhu cầu thu thập và quản lý thông tin; nghiên cứu cơ chế thúc đẩy thực hiện các giải pháp quản lý và giảm phát thải khí nhà kính trong ngành Xây dựng.

Nhằm nâng cao chất lượng Báo cáo thuyết minh tổng kết Nhiệm vụ, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng đã có những ý kiến góp ý, giúp nhóm nghiên cứu tiếp thu, chỉnh sửa Báo cáo. Theo đó, Hội đồng đánh giá cao nỗ lực của nhóm nghiên cứu trong việc thu thập tài liệu trong nước và quốc tế có liên quan và tổng hợp số liệu từ hơn 1.900 cơ sở xử lý chất thải rắn trên toàn quốc làm cơ sở thực hiện Nhiệm vụ. Tuy nhiên, nhóm nghiên cứu cần rà soát lại Báo cáo, biên tập phần tổng quan đảm bảo ngắn gọn, súc tích hơn, chú ý các lỗi chế bản, lỗi đánh máy và sử dụng đồng nhất các



*Toàn cảnh cuộc họp
thuật ngữ khoa học.*

Kết luận cuộc họp, Vụ trưởng Vũ Ngọc Anh nhấn mạnh sự cần thiết phải đánh giá, kiểm kê khí nhà kính trong quản lý chất thải rắn và đề xuất các giải pháp quản lý chất thải rắn phù hợp nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, đồng thời đề cao nỗ lực của nhóm nghiên cứu thuộc Công ty Tư vấn EPRO trong quá trình thực hiện Nhiệm vụ.

Vụ trưởng Vũ Ngọc Anh đề nghị nhóm nghiên cứu xem xét, tiếp thu đầy đủ ý kiến góp ý của các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng, sớm hoàn thiện Báo cáo tổng kết và các sản phẩm được giao để trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Sau khi đóng góp ý kiến giúp nhóm nghiên cứu tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện Báo cáo tổng kết, Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng thống nhất bỏ phiếu nghiệm thu Nhiệm vụ “Đánh giá, kiểm kê khí nhà kính trong quản lý chất thải rắn và đề xuất các giải pháp quản lý chất thải rắn phù hợp nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính”, với kết quả đạt loại Khá.

Trần Đình Hà

Nghiên cứu, đánh giá, đề xuất mô hình quản lý phát triển đô thị phù hợp với điều kiện Việt Nam

Ngày 19/5/2020, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng tư vấn đánh giá đã họp nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN “Nghiên cứu, đánh giá, đề xuất mô hình quản lý phát triển đô thị phù hợp với điều kiện Việt Nam, do Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam thực hiện. TS. Trần Quốc Thái - Phó Cục trưởng Cục Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng) - Phó Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, chủ trì cuộc họp.

Thay mặt nhóm nghiên cứu, chủ nhiệm đề tài, GS.TS.KTS. Đỗ Hậu – Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội Quy hoạch Phát triển đô thị Việt Nam cho biết, đề tài có mục tiêu đề xuất mô hình quản lý phát triển đô thị (PTĐT) phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam nhằm kiến tạo môi trường sống đô thị có chất lượng, sử dụng hiệu quả tài nguyên, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần làm tăng khả năng cạnh tranh của các đô thị, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế các vùng và cả nước. Bên cạnh đó, góp phần hỗ trợ cho các đô thị trong quá trình triển khai thực hiện Luật quản lý PTĐT và tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về quản lý PTĐT.

Theo báo cáo, hệ thống đô thị Việt Nam đang phát triển nhanh về số lượng và có đóng góp giá trị lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nhưng đồng thời cũng bộc lộ nhiều những hạn chế, bất cập mà nếu không được khắc phục và kiểm soát tốt sẽ dẫn tới nhiều hệ lụy và hậu quả lâu dài về nhiều mặt. Theo đó, chất lượng đô thị còn thấp, đặc biệt hệ thống kỹ thuật và hạ tầng xã hội chưa đồng bộ, chưa tương xứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế, dân số. Cùng với đó, nguồn lực cho phát triển tại các đô thị còn thiếu và quản lý phát triển đô thị còn chưa theo kịp thực tiễn, chưa đáp ứng xu thế PTĐT. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu đánh giá và đề xuất mô hình quản lý PTĐT phù hợp với điều kiện Việt Nam là yêu cầu cấp thiết đặt ra.



Toàn cảnh họp Hội đồng nghiệm thu

Báo cáo kết quả nghiên cứu của đề tài dày 360 trang, bao gồm 4 chương. Chương 1: Đánh giá công tác quy hoạch và công tác quản lý PTĐT; Chương 2: Đánh giá thực tế và hiệu quả áp dụng của khung pháp lý, chính sách và văn bản quy phạm pháp luật về PTĐT hiện hành; Chương 3: Cơ sở khoa học cho việc đề xuất mô hình quản lý PTĐT phù hợp với điều kiện Việt Nam; Chương 4: Mô hình và giải pháp quản lý PTĐT phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Tại Hội đồng, các chuyên gia và hai ủy viên phản biện là PGS.TS.KTS Hoàng Vĩnh Hưng – Trưởng phòng nghiên cứu PTĐT, Cục Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng) và ThS. Đỗ Viết Chiến – Tổng thư ký Hiệp hội Bất động sản Việt Nam đánh giá đây là đề tài có khối lượng công việc rất lớn và đã được nhóm tác giả nghiên cứu nghiêm túc, công phu với chất lượng chuyên môn sâu và hàm lượng khoa học cao. Nhóm nghiên cứu đã nêu bật tính cấp thiết của đề tài với thực trạng của công tác quy hoạch và quản lý PTĐT trên cơ sở nhìn nhận lại quy trình quản lý PTĐT từ khâu: lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch (QH) đến việc tổ chức thực hiện QH và quản lý PTĐT theo QH được duyệt. Đặc biệt, đề tài cũng đi sâu phân tích vai trò quản lý nhà nước của các cơ quan Trung ương và địa phương trong PTĐT hiện nay, trong đó có nhận xét một số dự

án thí điểm về mô hình chính quyền đô thị đã và đang được triển khai tại các đô thị lớn như Hà Nội, Đà Nẵng và TP Hồ Chí Minh cũng như các dự án đang được đề xuất mới. Với những nhận định và lập luận về cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn về công tác quản lý PTĐT dựa trên những bài học kinh nghiệm của Việt Nam và của một số nước trên thế giới cũng như đề cập đến bối cảnh và định hướng phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề tài đã đề xuất mô hình chính quyền đô thị gắn kết với mô hình quản lý PTĐT phù hợp với điều kiện

Việt Nam.

Phát biểu kết luận cuộc họp, Phó Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, TS. Trần Quốc Thái tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng, thống nhất đánh giá cao kết quả nghiên cứu của đề tài với nội dung phong phú, chuyên sâu, thể hiện được tính thực tiễn ứng dụng trong công tác quản lý PTĐT.

Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu, đạt loại Xuất sắc.

Ninh Hoàng Hạnh

Nghiệm thu Đề tài KHCN “Nghiên cứu giải pháp quy hoạch, thiết kế không gian trữ nước và thảm xanh cho các đô thị nhằm thích ứng với ngập lụt đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu”

Ngày 20/5/2020, tại Hà Nội, Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu giải pháp quy hoạch, thiết kế không gian trữ nước và thảm xanh cho các đô thị nhằm thích ứng với ngập lụt đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu” do Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia (VIUP) chủ trì thực hiện. Phó Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Trần Anh Tuấn - Chủ tịch Hội đồng, chủ trì cuộc họp.

Bảo vệ đề tài trước Hội đồng, ThS. Nguyễn Việt Dũng - Phó Chủ nhiệm đề tài cho biết, trong những năm qua, biến đổi khí hậu có tác động ngày càng rõ nét đối với Việt Nam. Trong khi đó, theo nghiên cứu của các chuyên gia quốc tế, Việt Nam nằm trong 10 quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu toàn cầu, nước biển dâng. Thời tiết diễn biến bất thường, bão, áp thấp nhiệt đới diễn ra nhiều và có quỹ đạo phức tạp, khó dự báo hơn trước.

Có thể nói, biến đổi khí hậu gây ra những hiện tượng thời tiết cực đoan, nguy hiểm, khó dự báo, trong đó có tình trạng ngập lụt tại các đô thị, tác động xấu đến nhiều lĩnh vực hoạt

động kinh tế xã hội và môi trường. Do đó, nghiên cứu giải pháp quy hoạch, thiết kế không gian trữ nước và thảm xanh cho các đô thị nhằm thích ứng với ngập lụt đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu là đặc biệt cần thiết.

Mục tiêu của đề tài nhằm nâng cao năng lực về quy hoạch đô thị ứng phó với ngập lụt đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu; góp phần thực hiện Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu và Kế hoạch Hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành Xây dựng (giai đoạn 2016 - 2020); hướng dẫn và hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước ra quyết định, lập quy hoạch, thiết kế thoát nước và đô thị với các giải pháp dựa trên không gian trữ nước và thảm xanh.

Để thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu đã tiến hành tham khảo tài liệu, tổng hợp kinh nghiệm quốc tế về áp dụng không gian trữ nước và thảm xanh; đánh giá tổng quan tình hình ngập lụt và không gian hỗ trợ thoát nước tại các đô thị Việt Nam; đề xuất áp dụng các giải pháp quy hoạch, thiết kế không gian trữ nước và thảm xanh cho các đô thị; biên soạn Hướng dẫn quy hoạch,

thiết kế không gian trữ nước và thảm xanh cho các đô thị thích ứng biến đổi khí hậu.

Theo đánh giá của đề tài, hiện nay quy mô và chức năng không gian trữ nước và thảm xanh ở các đô thị Việt Nam ngày càng bị suy giảm; sự vận hành, kết nối hỗ trợ nhau giữa các hồ điều hòa quy mô nhỏ chưa hiệu quả; tình trạng ô nhiễm và cạn kiệt nguồn nước mặt ở các sông hồ, nước ngầm đô thị diễn ra ngày càng phổ biến; quy hoạch còn thiếu các thiết kế chuyên ngành về không gian mặt nước; không gian mặt nước chịu sự quản lý của nhiều đơn vị, ban ngành; tỷ lệ đất cây xanh đô thị còn thấp, chưa đạt tiêu chuẩn, chưa được quan tâm đúng mức nhằm cải thiện khí hậu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, chống ô nhiễm tiếng ồn; không gian xanh, không gian công cộng chưa phục vụ mục đích hỗ trợ thoát nước, giảm ngập úng cho các đô thị; các giải pháp riêng lẻ trên thực tế không mang lại hiệu quả thoát nước đô thị.

Trên cơ sở khảo sát thực tế, phân tích, đánh giá hiện trạng hệ thống thoát nước ở các đô thị Việt Nam cũng như tham khảo kinh nghiệm quốc tế, đề tài đưa ra các giải pháp thiết kế chức năng thoát nước xanh bền vững cho các đô thị Việt Nam, trong đó có: Kiểm soát nước mưa tại nguồn, điển hình là sử dụng các mái nhà. Mái nhà được thiết kế với các thảm thực vật là một trong các giải pháp kiểm soát nước mưa tại nguồn rất hiệu quả. Giải pháp này mang tính khả thi và đem lại nhiều lợi ích cho các khu vực đô thị hóa với mật độ xây dựng cao, không có đủ không gian cho các lựa chọn khác của thoát nước xanh bền vững; Giải pháp lọc sinh học. Giải pháp này thường kết hợp với một loạt biện pháp quản lý nước mưa quy mô nhỏ như thảm cỏ thấm, các khu vực ao tằm.

Kết thúc quá trình nghiên cứu, đề tài kiến nghị: Công tác lập quy hoạch cần xem xét đưa các giải pháp quy hoạch và định hướng thiết kế thoát nước xanh bền vững; công tác quản lý



Toàn cảnh cuộc họp

quy hoạch cần xem xét đưa ra quy định khu vực quy hoạch phát triển mới phải đảm bảo năng lực tiêu thoát nước tự nhiên, giảm thiểu tác động tới khu vực lân cận và hạ nguồn; đối với các khu vực tái thiết phát triển nên đưa các giải pháp kiểm soát nước mưa tại nguồn vào công trình hiện hữu, đặc biệt đối với các công trình hạ tầng công; nghiên cứu áp dụng các mô hình cộng đồng tham gia quản lý, vận hành thoát nước để đảm bảo duy trì, chăm sóc hệ thống thoát nước xanh bền vững; Bộ Xây dựng và các địa phương nên mở rộng áp dụng, đánh giá các giải pháp để có hướng dẫn cụ thể, chi tiết hơn, đồng thời xây dựng các quy định pháp lý về thoát nước xanh bền vững trong quy hoạch và dự án phát triển; các chủ đầu tư nên chủ động áp dụng cách tiếp cận, giải pháp thoát nước xanh bền vững trong các dự án, qua đó góp phần nâng cao thương hiệu doanh nghiệp.

Sau khi đóng góp ý kiến giúp nhóm nghiên cứu VIUP tiếp thu, chỉnh sửa, nâng cao chất lượng các sản phẩm đề tài cũng như Báo cáo tổng kết, Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng thống nhất bỏ phiếu nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu giải pháp quy hoạch, thiết kế không gian trữ nước và thảm xanh cho các đô thị nhằm thích ứng với ngập lụt đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu”, với kết quả đạt loại Khá.

Trần Đình Hà

Nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu xây dựng tiêu chí độ che phủ xanh hướng đến phát triển đô thị tăng trưởng xanh”

Ngày 21/5/2020, tại Hà Nội, Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu xây dựng tiêu chí độ che phủ xanh hướng đến phát triển đô thị tăng trưởng xanh”. Phó Cục trưởng Cục Phát triển đô thị Trần Thị Lan Anh - Chủ tịch Hội đồng, chủ trì cuộc họp.

Trình bày tóm tắt Báo cáo thuyết minh đề tài trước Hội đồng, Chủ nhiệm đề tài, TS. Nguyễn Hồng Hạnh - Viện Nghiên cứu kinh tế xây dựng và đô thị (Tổng hội Xây dựng Việt Nam) đã nêu lên sự cần thiết phải xây dựng tiêu chí độ che phủ xanh hướng đến phát triển đô thị tăng trưởng xanh, đồng thời cho biết, để thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu đã áp dụng nhiều phương pháp khác nhau, bao gồm: Điều tra khảo sát; ứng dụng công nghệ viễn thám; phân loại định hướng; đo lường carbon lưu trữ và hấp thụ bởi thực vật; phương pháp chuyên gia; phân tích đánh giá và tổng hợp đề xuất các tiêu chí độ che phủ xanh, độ bao phủ xanh đô thị và mối tương quan giữa độ che phủ xanh và lượng CO₂ hấp thụ bởi cây xanh đô thị.

Nói về phương pháp ứng dụng công nghệ viễn thám, TS. Nguyễn Hồng Hạnh cho biết, phương pháp này thu thập thông tin về đối tượng thông qua nghiên cứu hình ảnh mà không cần tiếp cận trực tiếp, sử dụng sóng điện từ có bước sóng trong dải từ cực tím đến radar để chụp ảnh. Căn cứ theo độ phân giải không gian thì ảnh vệ tinh quang học được phân loại thành 3 loại sau: Dữ liệu ảnh vệ tinh quang học có độ phân giải thấp; Dữ liệu ảnh vệ tinh quang học có độ phân giải trung bình; Dữ liệu ảnh vệ tinh quang học có độ phân giải cao và siêu cao.

Theo đề tài, không gian xanh được phân chia thành 3 loại: Không gian xanh tự nhiên, không gian xanh bán tự nhiên, không gian xanh



Toàn cảnh cuộc họp
nhân tạo. Việc phân chia này nhằm xác định những tiêu chí phù hợp đối với từng loại không gian xanh.

Để thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu đã khảo sát thực tiễn quản lý không gian xanh ở một số đô thị Việt Nam, như thành phố Đà Lạt, thành phố Hội An. Đối với Hội An, đề tài dẫn chiếu Quy chế quản lý kiến trúc quy hoạch (2011) của thành phố này quy định, hệ thống cây xanh trên địa bàn thành phố bao gồm cây rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, vùng ngập nước ven sông, và đánh giá Quy chế này cập nhật được quan điểm của thế giới, nhận diện vai trò và giá trị của không gian xanh trong bối cảnh Hội An là một đô thị ven biển đang chịu nhiều tác động bất lợi của biến đổi khí hậu.

Về cơ sở xây dựng tiêu chí độ che phủ xanh đô thị, nhóm nghiên cứu dựa trên bản đồ được giải đoán từ ảnh vệ tinh có độ phân giải cao, xác định thực trạng diện tích mặt đất được phủ xanh của các khu vực, toàn đô thị; số liệu của Tổng cục Thống kê xác định diện tích đất đai toàn đô thị và các khu vực, khu chức năng đô thị tại thời điểm hiện tại; tài liệu quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt xác định độ che phủ xanh trong

tương lai.

Kết thúc quá trình nghiên cứu, đề tài kiến nghị: Điều chỉnh, bổ sung khái niệm không gian xanh, độ che phủ xanh đô thị trong các văn bản pháp luật đang soạn thảo; xây dựng văn bản hướng dẫn về đánh giá thực trạng độ che phủ xanh đô thị bằng công nghệ viễn thám; xây dựng văn bản về các tiêu chí độ che phủ xanh và bao phủ xanh đô thị; chiến lược phát triển đô thị từ năm 2020 - 2030 phải đảm bảo độ che phủ xanh toàn đô thị đạt từ 15 - 25%; độ bao phủ xanh phải đạt từ 20 - 30%; giao cho các địa phương căn cứ các tiêu chí Độ che phủ xanh và Độ bao phủ xanh của Bộ Xây dựng để quy định các tiêu chí này cho phù hợp với tính chất đặc thù của địa phương đó.

Nhằm nâng cao chất lượng Báo cáo thuyết minh đề tài, Hội đồng KH-CN Bộ Xây dựng đã có những ý kiến góp ý giúp nhóm nghiên cứu tiếp thu, chỉnh sửa. Theo nhận xét của Hội đồng, Báo cáo thuyết minh được trình bày rõ ràng, bố cục hợp lý, nội dung logic, hệ thống bảng biểu, hình ảnh rõ ràng. Tuy nhiên nhóm nghiên cứu cần rà soát toàn bộ Báo cáo, xem xét cập nhật số liệu mới nhất của một số lĩnh

vực liên quan đến nội dung đề tài, chú ý sử dụng đồng nhất thuật ngữ khoa học.

ThS. Trần Đình Thái, nguyên Phó Viện trưởng Viện Kiến trúc quốc gia, thành viên Hội đồng nhất trí với sự cần thiết phải thực hiện đề tài, đồng thời đánh giá nhóm nghiên cứu đã đầu tư nhiều thời gian, công sức hoàn thành các sản phẩm đề tài theo nhiệm vụ được giao, song cần làm rõ sự giống, khác nhau giữa độ che phủ xanh và độ bao phủ xanh đô thị.

Kết luận cuộc họp, Phó Cục trưởng Trần Thị Lan Anh đánh giá, nhóm nghiên cứu thuộc Viện Nghiên cứu kinh tế xây dựng và đô thị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, các sản phẩm đảm bảo chất lượng, song cần xem xét, tiếp thu các ý kiến đóng góp của Hội đồng, sớm hoàn chỉnh Báo cáo tổng kết đề tài cũng như các sản phẩm đi kèm, trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng KH-CN Bộ Xây dựng thống nhất bỏ phiếu nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu xây dựng tiêu chí độ che phủ xanh hướng đến phát triển đô thị tăng trưởng xanh”, với kết quả đạt loại Khá.

Trần Đình Hà

Thẩm định Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 22/5/2020, Bộ Xây dựng tổ chức hội nghị thẩm định Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế (KKT) Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050. Vụ trưởng Vụ Quy hoạch kiến trúc Trần Thu Hằng chủ trì hội nghị.

Theo Báo cáo thuyết minh Nhiệm vụ được đại diện Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia (đơn vị tư vấn) trình bày, phạm vi lập quy hoạch KKT Dung Quất có tổng diện tích 45.332ha, phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp đường sắt Bắc - Nam, phía Nam giáp

thành phố Quảng Ngãi, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam. KKT Dung Quất có vị trí chiến lược khi có kết nối giao thông đường biển thuận lợi với các trung tâm kinh tế trong khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á, nằm gần Khu kinh tế mở Chu Lai, tiếp giáp phía Nam sân bay Chu Lai và cách sân bay quốc tế Đà Nẵng 120km. Với cảng biển nước sâu Dung Quất, KKT có thể tiếp nhận tàu có trọng tải lên tới hàng chục nghìn tấn, đây là điều kiện quan trọng để thu hút các dự án công nghiệp nặng, dự án có quy mô lớn trong thời gian tới.

Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng KKT Dung Quất đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm xây dựng KKT Dung Quất phù hợp với Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; xây dựng KKT Dung Quất thành khu vực phát triển kinh tế năng động, hiện đại và bền vững; là trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng của quốc gia; trung tâm công nghiệp, hậu cần sân bay, cảng biển, phát triển du lịch và dịch vụ của tỉnh Quảng Ngãi và Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung, gắn phát triển kinh tế với đảm bảo an ninh quốc phòng; có hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, không gian kiến trúc cảnh quan đô thị văn minh, môi trường bền vững; làm cơ sở pháp lý triển khai các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng và các dự án đầu tư xây dựng tại KKT Dung Quất.

Theo quy hoạch, KKT Dung Quất được xây dựng với tính chất là KKT biển đa ngành, đa lĩnh vực, bao gồm: Công nghiệp thương mại; dịch vụ - du lịch, đô thị và nông - lâm - ngư nghiệp. Trong đó, trọng tâm là công nghiệp lọc hóa dầu, công nghiệp hóa chất và công nghiệp nặng với các ngành chủ đạo như luyện cán thép, đóng tàu và các ngành công nghiệp khác gắn với khai thác cảng nước sâu; là trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia, một trong những trung tâm công nghiệp dịch vụ du lịch và đầu mối giao thông vận tải, trao đổi hàng hóa, giao lưu quốc tế quan trọng của khu vực miền Trung và Tây Nguyên; có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.

Nhiệm vụ nêu lên những nội dung chính cần được nghiên cứu triển khai trong đồ án quy hoạch bao gồm: Đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng KKT Dung Quất; phân tích, đánh giá vai trò, vị thế, tiềm năng và động lực phát triển KKT; tổ chức không gian và phân khu chức năng, quy hoạch sử dụng đất trong KKT; định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế xã hội và hạ tầng kỹ thuật; đánh giá môi trường chiến



Toàn cảnh Hội nghị

lược; đề xuất các nguồn vốn đầu tư thực hiện quy hoạch và đánh giá tính khả thi của từng nguồn vốn; các yêu cầu khác liên quan đến kết nối hạ tầng KKT Dung Quất với các khu vực xung quanh, dự thảo quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch, đề xuất cơ chế chính sách kiểm soát phát triển KKT gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng.

Nhằm hoàn thiện Báo cáo thuyết minh Nhiệm vụ, các thành viên Hội đồng gồm đại diện các Bộ ngành, các hội, hiệp hội chuyên ngành Trung ương đã có những ý kiến góp ý giúp đơn vị tư vấn tiếp thu chỉnh sửa, nâng cao chất lượng Báo cáo. Theo Hội đồng, đơn vị tư vấn cần bổ sung các danh mục dự án thực hiện trong giai đoạn 2011 - 2020, chi tiết các nội dung cơ cấu nguồn vốn (ngân sách Trung ương, địa phương, vốn xã hội hóa, huy động tài trợ...), các phương thức lựa chọn chương trình dự án ưu tiên, phân kỳ đầu tư theo các giai đoạn 5 năm 1 lần gắn với khả năng, nguồn lực thực hiện; rà soát đánh giá lại quy hoạch cũ, xem xét tính phù hợp với hiện trạng, với định hướng phát triển từng khu vực...

Phát biểu tại hội nghị, đại diện UBND tỉnh Quảng Ngãi cho biết sẽ phối hợp với đơn vị tư vấn đánh giá lại và điều chỉnh quy hoạch đảm bảo hiệu quả nhất. Trước đây, Quảng Ngãi chú trọng nhiều đến phát triển công nghiệp, tuy nhiên, để phù hợp với thực tế, tỉnh định hướng sẽ ưu tiên phát triển các lợi thế khác như du

lịch, đô thị.

Kết luận hội nghị, Vụ trưởng Trần Thu Hằng đánh giá hồ sơ Nhiệm vụ đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành. Tuy nhiên, trong Báo cáo thuyết minh, đơn vị tư vấn cần nhấn mạnh hiện trạng cũng như tiềm năng, lợi thế của KKT Dung Quất so với các KKT khác của cả nước, đồng thời làm rõ mối quan hệ với các vùng lân cận như Lăng Cô, Chu Lai... từ phân tích đó, nêu bật được vai trò, vị thế của KKT Dung Quất.

Vụ trưởng Trần Thu Hằng đề nghị đơn vị tư vấn xem xét, tiếp thu đầy đủ ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng, làm rõ tính đặc thù của KKT Dung Quất cũng như những nội dung

cần điều chỉnh trong quy hoạch chung xây dựng KKT Dung Quất đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, đồng thời chú ý làm mới tính chất, chức năng KKT, nội dung phát triển du lịch, xây dựng đô thị, có định hướng tổ chức không gian hợp lý, khai thác và phát huy hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh từ vị trí, cảnh quan thiên nhiên của KKT, sớm hoàn thiện Dự thảo Tờ trình và Dự thảo Quyết định của Thủ tướng, gửi UBND tỉnh Quảng Ngãi xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Trần Đình Hà

Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn họp trực tuyến với Đoàn Chương trình 2020 (CPM 2020) của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)

Ngày 21/5/2020, tại Trụ sở Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn đã chủ trì cuộc họp trực tuyến với Đoàn Chương trình 2020 (CPM 2020) của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). Tham dự cuộc họp về phía ADB có ông Eric Sidgwick - Giám đốc Quốc gia, ADB VRM cùng các chuyên gia, các thành viên thuộc Nhóm Chương trình ADB, về phía Bộ Xây dựng có đại diện lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị: Vụ Hợp tác Quốc tế, Cục Phát triển Đô thị, Cục Hạ tầng Kỹ thuật.

Tại cuộc họp, hai bên đã thông tin, trao đổi về các nội dung cụ thể như: Cơ hội hợp tác giữa ADB và MOC trong Nhóm công tác về Phát triển đô thị các nước tiểu vùng sông Mekong. Các hoạt động tiếp theo liên quan đến các Hỗ trợ kỹ thuật đang diễn ra (TA 9002 – Phát triển đô thị thích ứng và bền vững). Thông báo về Quỹ tín thác Đô thị thông minh ASEAN – Úc vừa mới được khởi động.

Đáp lại đề nghị của phía ADB muốn được trao đổi với Bộ Xây dựng về định hướng hỗ trợ cho phát triển Đô thị thông minh (ĐTTM) ở Việt Nam, Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn cho biết, Việt Nam đang nỗ lực triển khai Đề án 950 về “phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 định hướng đến năm 2030” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại QĐ số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018. Bộ Xây dựng thực hiện nhiệm vụ là cơ quan thường trực của Đề án này đã và đang phối hợp với các bộ, ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các nội dung, nhiệm vụ của Đề án.

Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn cho biết, năm 2020, Việt Nam đảm nhận vai trò là Chủ tịch của Mạng lưới đô thị thông minh ASEAN (ASCN), Bộ Xây dựng là cơ quan thường trực,



Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn trong cuộc họp trực tuyến tại điểm cầu Bộ Xây dựng

đầu mối phối hợp với các bộ, ngành trong triển khai Hội nghị thường niên Mạng lưới ASCN 2020 tổ chức tại Việt Nam với sự tham gia của đại diện 10 quốc gia thành viên và 26 đô thị thành viên Mạng lưới ASCN; Tại Việt Nam, 3 đô thị tham gia Mạng lưới ASCN gồm: TP Hà Nội, TP Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh.

Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn cho biết, Việt Nam đang xây dựng các thể chế về lập quy hoạch cho ĐTTM và mong muốn nhận được sự ủng hộ về nguồn lực từ ADB cũng như mong muốn nhận được một khoản hỗ trợ cụ thể của ADB cho phát triển ĐTTM tại Việt Nam, trên cơ sở đề xuất từ phía ADB hỗ trợ cho 6 đô thị thuộc Mạng lưới ASCN, trong đó có 1 đô thị tại Việt Nam.

Về Dự án (DA) Bộ Xây dựng đang triển khai thực hiện cùng ADB, DA Hỗ trợ kỹ thuật TA 9002-VIE “Phát triển đô thị thích ứng và bền vững” do ADB viện trợ không hoàn lại, giai đoạn thực hiện 2016-2019, hiện nay đang làm các thủ tục đóng và quyết toán DA, Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn đề nghị phía ADB gửi báo cáo kết thúc DA trong tháng 8/2020 để Bộ Xây dựng làm cơ sở báo cáo Thủ tướng Chính phủ về DA. Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn mong muốn

ADB trực tiếp chỉ đạo Tư vấn để lưu trữ và chuyển lại cho Việt Nam tài liệu chuẩn xác nhất của DA này.

Tại cuộc họp, ông Eric Sidgwick - Giám đốc Quốc gia, ADB VRM thông báo về việc Nhóm công tác về Phát triển đô thị các nước tiểu vùng sông Mekong dự kiến tổ chức 2 cuộc họp trực tuyến vào tháng 7 và tháng 12 năm 2020 và mong nhận được sự hợp tác của Bộ Xây dựng

Việt Nam trong những cuộc họp này.

Cũng tại cuộc họp, Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn đã mời ông Eric Sidgwick - Giám đốc Quốc gia, ADB VRM cùng lãnh đạo ADB tham dự Hội nghị ASCN 2020 dự kiến tổ chức vào tháng 7 tới tại Việt Nam.

Ninh Hoàng Hạnh

Công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2019, Bộ Xây dựng tăng 3 bậc so với năm 2018

Sáng ngày 19/5, tại trụ sở Chính phủ, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tổ chức Hội nghị trực tuyến công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 (PAR index 2019) của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2019 (SIPAS 2019). Đồng chí Trương Hòa Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Trưởng ban Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có đồng chí Trần Thanh Mẫn, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đồng chí Lê Vĩnh Tân, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ; đồng chí Nguyễn Trọng Thừa, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ; các thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ; đại diện lãnh đạo các bộ, ngành ở Trung ương; tại các điểm cầu trực tuyến có đại diện lãnh đạo UBND và Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đại diện lãnh đạo các cơ quan liên quan....

Tại Hội nghị, Bộ trưởng Lê Vĩnh Tân cho biết, năm 2019 là năm có nhiều chuyển biến tích cực, có sự bứt phá ngoạn mục của một số

nội dung CCHC trong triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020. Chỉ số CCHC tiếp tục được khẳng định qua thực tiễn, là một trong những công cụ có ý nghĩa quan trọng, quyết định đến chỉ đạo, điều hành và kết quả CCHC. Thông qua Chỉ số CCHC, Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương nhận định được mục tiêu, định hướng nội dung, nhiệm vụ và giải pháp cho CCHC nhà nước giai đoạn tiếp theo.

Báo cáo kết quả PAR index năm 2019 của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ Phạm Minh Hùng cho biết, đối tượng xác định Chỉ số CCHC năm 2019 cấp Trung ương gồm 19 bộ, cơ quan ngang bộ (trừ Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Văn phòng Chính phủ). Trong đó, 02 cơ quan đặc thù là Ủy ban Dân tộc và Thanh tra Chính phủ có thực hiện đánh giá nhưng không xếp hạng chung với 17 bộ, cơ quan ngang bộ còn lại. Ở địa phương, đánh giá, xếp hạng cả 63 UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Kết quả Chỉ số CCHC năm 2019 các bộ tập trung vào 2 nhóm điểm:

Nhóm A, đạt kết quả Chỉ số CCHC trên 90%, bao gồm 03 đơn vị: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp. Nhóm B,

đạt kết quả Chỉ số CCHC từ trên 80% đến dưới 90%, gồm 14 đơn vị: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Ngoại giao; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Nội vụ; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Công Thương; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Xây dựng; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Y Tế và Bộ Giao thông vận tải.

Năm 2019 Bộ Xây dựng có kết quả Chỉ số

CCHC với giá trị 83,98%, xếp thứ 12/17 trong Bảng xếp hạng PAR index 2019 các bộ và tăng 3 bậc so với năm 2018. (Bảng xếp hạng PAR index 2018 Bộ Xây dựng xếp thứ 15/18 với giá trị 79,60%) . Kết quả này cho thấy Bộ Xây dựng đã có nhiều sự cải thiện về điểm số, phản ánh những nỗ lực cải cách mạnh mẽ của Bộ Xây dựng trong năm vừa qua.

Ninh Hoàng Hạnh

Đại hội Đảng bộ Viện Kinh tế Xây dựng lần thứ VII thành công tốt đẹp

Ngày 20/5/2020, Đảng bộ Viện Kinh tế Xây dựng đã tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Đồng chí Lê Văn Toàn, Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Bộ Xây dựng, Ủy viên Ban Cán sự Đảng Bộ Xây dựng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ đã đến dự và phát biểu chỉ đạo Đại hội.

Theo Báo cáo Chính trị trình Đại hội, Đại hội Đảng bộ Viện Kinh tế Xây dựng lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 là Đại hội điểm trong toàn Đảng bộ Bộ Xây dựng, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Đại hội có nhiệm vụ tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Viện Kinh tế Xây dựng khóa VI, nhiệm kỳ 2015 - 2020; Quyết định phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp nhiệm kỳ 2020 - 2025; Kiểm điểm công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành khóa VI; Bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa VII, bầu trực tiếp tại Đại hội Bí thư Đảng ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 và bầu Đoàn đại biểu dự Đại hội Đảng bộ Bộ Xây dựng nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Đảng bộ Viện Kinh tế xây dựng là Đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ Bộ Xây dựng, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của Đảng ủy Bộ Xây dựng; trong thời gian qua đã lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tham



Đồng chí Lê Văn Toàn - Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Bộ Xây dựng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ (Bộ Xây dựng) phát biểu chỉ đạo

gia lãnh đạo xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ công tác của cơ quan được Bộ giao; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; xây dựng Đảng bộ, Chi bộ và cơ quan vững mạnh. Đảng bộ Viện Kinh tế xây dựng tính đến thời điểm hiện nay có tổng số 56 đảng viên; trong đó có 55 đảng viên chính thức và 01 đảng viên dự bị sinh hoạt tại 13 Chi bộ.

Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, Đảng bộ Viện Kinh tế Xây dựng luôn nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, sâu sát của Ban Cán sự Đảng, lãnh đạo và Đảng ủy Bộ Xây dựng trong các mặt hoạt động, đặc biệt là trong công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn:



Đồng chí Lê Văn Cư – Bí thư Đảng ủy, Viện trưởng Viện Kinh tế Xây dựng trình bày Báo cáo Chính trị tại Đại hội

Viện đã chủ trì soạn thảo và trình Chính phủ, Bộ Xây dựng ban hành 02 Nghị định, 03 Đề án và 15 Thông tư, góp phần vào việc hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách trong các lĩnh vực quản lý của Bộ Xây dựng. Ngoài ra, Viện tham gia đầy đủ và có trách nhiệm cao cùng với các Cục, Vụ của Bộ soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 và Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13, các Đề án, Thông tư, hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật và giá trong xây dựng....

Đối với nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện hệ thống công cụ, chỉ tiêu, định mức kinh tế - kỹ thuật, Viện Kinh tế Xây dựng tiếp tục hoàn thiện hệ thống định mức, suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình, suất vốn đầu tư đường cao tốc, chỉ số giá bất động sản, chỉ số giá xây dựng, báo cáo đánh giá thị trường bất động sản, thị trường vật liệu xây dựng... Viện cũng đang thực hiện tốt vai trò là thành viên thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM) trong hoạt động xây dựng và quản lý vận hành công trình.

Đánh giá tổng hợp việc thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2015 - 2020, Đảng bộ Viện Kinh tế xây dựng đã hoàn thành cơ bản tất cả các chỉ tiêu đề ra về kết quả thực hiện nhiệm vụ



Đồng chí Lê Văn Toàn chúc mừng Ban chấp hành Đảng bộ Viện Kinh tế xây dựng nhiệm kỳ 2020 - 2025.

chính trị, giáo dục chính trị - tư tưởng, xây dựng Đảng, công tác đoàn thể và chăm lo đời sống cho cán bộ, viên chức, lao động.

Báo cáo Chính trị trình Đại hội cũng đề ra phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện chủ yếu trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 trong các công tác xây dựng Đảng, thực hiện nhiệm vụ chính trị, trong đó tập trung xây dựng Chiến lược phát triển Viện Kinh tế xây dựng giai đoạn 2020 - 2025 và các năm tiếp theo để đáp ứng yêu cầu và thách thức mới đặt ra.

Phát biểu chỉ đạo tại Đại hội, thay mặt Đảng ủy Bộ Xây dựng, Phó Bí thư thường trực Đảng ủy, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Xây dựng Lê Văn Toàn ghi nhận và biểu dương những thành tựu của Đảng bộ Viện Kinh tế xây dựng đã đạt được trong nhiệm kỳ qua: đã đoàn kết, nỗ lực vượt qua khó khăn, hoàn thành các chỉ tiêu Đại hội nhiệm kỳ VI đã đề ra, qua đó khẳng định vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, sự năng động, sáng tạo, linh hoạt của cấp ủy và lãnh đạo Viện Kinh tế xây dựng; sự đoàn kết chặt chẽ, sự đồng thuận cao của đội ngũ cán bộ đảng viên trong quá trình lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

Đồng chí Lê Văn Toàn cũng bày tỏ đồng tình với phương hướng, nhiệm vụ đề ra cho nhiệm kỳ 2020 - 2025, đồng thời lưu ý với Ban Chấp hành Đảng ủy nhiệm kỳ mới cần tiếp tục bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Cán sự

Đảng, lãnh đạo Bộ Xây dựng để lãnh đạo, chỉ đạo Viện Kinh tế xây dựng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao; nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức Đảng trực thuộc; tăng cường công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, chủ động phòng ngừa và ngăn chặn sự suy thoái về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy, phát huy dân chủ.

Đại hội đã tiến hành bầu Ban chấp hành nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 7 đồng chí. Tại Đại hội, đồng chí Lê Văn Cư - Bí thư Đảng ủy Viện Kinh tế xây dựng khóa VI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 được Đại hội bầu giữ chức Bí thư Đảng ủy nhiệm kỳ mới với số phiếu 52/52, đạt 100%.

Thay mặt Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025, đồng chí Lê Văn Cư - Bí thư Đảng ủy Viện trưởng Viện Kinh tế Xây dựng đã phát biểu tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Đảng ủy Bộ Xây dựng, đồng thời khẳng định quyết tâm khắc phục hạn chế, phát huy những thành quả đã đạt được, phấn đấu hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ



Các đại biểu dự Đại hội

Đại hội Đảng bộ Viện Kinh tế xây dựng lần thứ VII đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Bộ Xây dựng nhiệm kỳ 2020 - 2025; tiếp tục giữ vững danh hiệu “Tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh” nhằm xây dựng đơn vị ngày càng phát triển.

Minh Tuấn

Đại hội Đảng bộ Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị nhiệm kỳ 2020 - 2025: Đoàn kết - Sáng tạo - Đổi mới - Phát triển

Sáng ngày 28/5/2020, tại Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị (Học viện AMC), đã khai mạc phiên chính thức Đại hội Đảng bộ lần thứ IV - nhiệm kỳ 2020 - 2025, với chủ đề: Đoàn kết - Sáng tạo - Đổi mới - Phát triển. Đồng chí Lê Văn Toàn - Phó bí thư thường trực Đảng ủy Bộ Xây dựng, Ủy viên Ban Cán sự Đảng Bộ Xây dựng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Xây dựng đến dự và phát biểu chỉ đạo Đại hội.

Trình bày Báo cáo Chính trị trình Đại hội, đồng chí Trần Hữu Hà, Bí thư Đảng bộ, Giám đốc Học viện AMC cho biết, toàn Đảng bộ Học viện AMC gồm có 14 Chi bộ với 87 đảng viên, trong đó có 05 đảng viên dự bị. Đảng ủy và Ban Giám đốc Học viện trong nhiệm kỳ qua luôn là một tập thể đoàn kết thống nhất, đã lãnh đạo,

chỉ đạo mọi mặt công tác của Học viện, hoàn thành cơ bản tất cả các chỉ tiêu mà Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã đề ra.

Trong công tác lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị, Đảng ủy Học viện đã chỉ đạo chính quyền và các đoàn thể trong Học viện bám sát các Nghị quyết của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Đảng ủy khối các cơ quan Trung ương, Đảng ủy Bộ Xây dựng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện nhiệm kỳ 2015 - 2020 để xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị: tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý xây dựng và đô thị; biên soạn tài liệu, giáo trình, nâng cao chất lượng giảng dạy; thực



Đồng chí Lê Văn Toàn, Phó Bí thư thường trực Đảng ủy, Vụ trưởng Vụ TCCB Bộ Xây dựng phát biểu chỉ đạo Đại hội

hiện các đề tài nghiên cứu khoa học; công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính, tài sản; công tác thông tin - truyền thông và hợp tác quốc tế không ngừng được tăng cường và mở rộng.

Trong giai đoạn từ 2015 - 2019, Học viện đã tổ chức được 975 lớp đào tạo bồi dưỡng cho 47.837 lượt học viên, 335 lớp tập huấn cho 31.482 lượt học viên; hàng chục lớp đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho trên 2.000 lượt học viên. Công tác biên soạn, cập nhật, đổi mới giáo trình, tài liệu giảng dạy được Học viện quan tâm chú trọng, cũng như việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên cơ hữu. Trong giai đoạn này, Học viện cũng đã triển khai 47 đề tài/dự án cấp Bộ và 39 đề tài cấp cơ sở, các đề tài, dự án sau khi được nghiệm thu có tính ứng dụng cao, trong đó có nhiều đề tài thuộc các Chương trình, Đề án quốc gia, như Đề án 1511, Đề án 1961, Đề án trợ giúp người khuyết tật, Chương trình nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng ...

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII và sự chỉ đạo của Đảng ủy, lãnh đạo Bộ Xây dựng về việc rà soát chức năng nhiệm vụ, thu gọn đầu mối, tinh giản biên chế, Học viện đã tiến hành sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, nhân sự từ 19 đơn vị xuống còn 15 đơn vị; xây dựng bộ máy quản lý Học viện tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động; tiến hành sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ; xây dựng Đề án vị trí việc làm



Đồng chí Trần Hữu Hà, Giám đốc Học viện, Bí thư Đảng ủy Học viện nhiệm kỳ 2015 - 2020 trình bày Báo cáo chính trị tại Đại hội

và dự thảo Đề án tự chủ một phần về tài chính của 09 đơn vị thuộc Học viện.

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng ủy Học viện đã bám sát chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đại hội XII của Đảng và các văn bản chỉ đạo của Đảng ủy cấp trên để xây dựng các chương trình công tác, nghị quyết chuyên đề, kế hoạch hành động của Đảng bộ Học viện. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên luôn được Đảng ủy Học viện quan tâm, đã quán triệt tới toàn thể cán bộ, đảng viên về Nghị quyết Trung ương 4 về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Chỉ thị số 05-CT-TW của Bộ Chính trị về "Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", giúp đội ngũ cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức, kiên định mục tiêu lý tưởng của Đảng, qua đó góp phần phòng, chống suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, chống tự diễn biến, tự chuyển hóa trong cán bộ, đảng viên và xây dựng Đảng bộ Học viện trong sạch, vững mạnh.

Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, Đảng bộ Học viện liên tục được Đảng ủy Bộ Xây dựng công nhận là "Đảng bộ trong sạch, vững mạnh", 02 chi bộ được Đảng ủy khối tặng bằng khen "Chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu 5 năm liền"; 02 đảng viên được Bằng khen "Đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 5 năm liền" của Đảng ủy khối; 01 đảng viên được Giấy khen



Ra mắt Ban Chấp hành Đảng bộ Học viện nhiệm kỳ 2020 - 2025

"Đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 5 năm liền" của Đảng ủy Bộ Xây dựng.

Phát biểu chỉ đạo Đại hội, Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Bộ Xây dựng Lê Văn Toàn ghi nhận và biểu dương những thành tích của Đảng bộ Học viện AMC đã đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua: Đảng bộ Học viện đã phát huy sức mạnh đoàn kết, nỗ lực phấn đấu khắc phục mọi khó khăn, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã đề ra. Đặc biệt, trong nhiệm kỳ qua, Học viện đã thực hiện rất tốt việc thu gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động theo tinh thần Nghị quyết của Trung ương 6 khóa XII "về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập", qua đó thể hiện được vai trò, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành của Đảng bộ và lãnh đạo Học viện và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên. Những kết quả của nhiệm kỳ qua tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, sự năng động, sáng tạo, linh hoạt của cấp ủy và lãnh đạo Học viện, đặc biệt là vai trò của đồng chí Giám đốc, Bí thư Đảng ủy Học viện, sự đoàn kết, đồng thuận cao của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong quá trình lãnh đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao. Đồng chí Lê Văn Toàn cũng bày tỏ



Toàn cảnh Đại hội

đồng tình với phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra trong Báo cáo chính trị của Học viện trình Đại hội. Bên cạnh những thành tích đạt được, Báo cáo cũng chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong nhiệm kỳ qua, thể hiện sự nghiêm túc tự phê bình, cầu thị của cấp ủy Học viện. Qua đó, trong nhiệm kỳ tới, cấp ủy khóa mới cần phân tích, đánh giá rõ các tồn tại, hạn chế để có những giải pháp khắc phục hiệu quả.

Đồng chí Lê Văn Toàn đề nghị Đảng ủy Học viện tiếp tục bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Cán sự Đảng và lãnh đạo Bộ Xây dựng để lãnh đạo, chỉ đạo Học viện triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; Cấp ủy cần làm tốt công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ và các chi bộ trực thuộc; tiếp tục quán triệt thực hiện nghiêm túc quan điểm chỉ đạo của Đảng trong Nghị quyết Đại hội XII về đổi mới công tác tư tưởng trong tình hình mới; tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức chính trị, đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, đặc biệt là vai trò của người đứng đầu; chủ động phòng chống và đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa trong cán bộ, đảng viên; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy trong những điều kiện mới và tình hình hiện nay; phát huy dân chủ để củng cố sự đoàn

kết trong toàn đảng bộ, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên, phát huy nguồn lực trong cán bộ, đảng viên tham gia thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra.

Đồng chí Lê Văn Toàn cũng đề nghị cấp ủy và lãnh đạo Học viện tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý về xây dựng và đô thị, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

của Bộ Xây dựng.

Đại hội Đảng bộ Học viện AMC lần thứ IV đã thành công tốt đẹp với việc bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 06 đồng chí và bầu đoàn đại biểu Dự Đại hội Đảng bộ Bộ Xây dựng nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 9 đại biểu chính thức và 01 đại biểu dự khuyết, bỏ phiếu giới thiệu Bí thư Đảng ủy và thông qua Nghị quyết của Đại hội.

Minh Tuấn

Xu hướng phát triển các khu công nghiệp, các vùng sản xuất của Moskva (Liên bang Nga)

Một trong những xu hướng phát triển các khu vực đô thị của Thủ đô Moskva là hiện thực hóa chương trình quốc gia “Chính sách quy hoạch đô thị”. Chương trình đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 460-PP ngày 10/3/2011 “Về phê duyệt chương trình quốc gia Chính sách quy hoạch đô thị giai đoạn 2012 - 2016 của thành phố Moskva”. Nghị quyết số 169-PP ngày 8/4/2015 của Chính quyền Moskva đã đưa vào chương trình một số sửa đổi, bổ sung cho giai đoạn tiếp theo 2016 - 2020.

Chương trình cho phép liên kết các hoạt động quy hoạch đô thị một cách có hệ thống, bảo đảm kết hợp xây nhà ở và các bất động sản thương mại với hạ tầng xã hội, giao thông và kỹ thuật, bảo đảm sự thống nhất của thông tin, cơ sở pháp lý, phương pháp khoa học. Tất cả đều nhằm đạt được mục tiêu cơ bản - hình thành môi trường sống tiện nghi của thành phố Moskva.

Các định hướng cơ bản của chương trình gồm: xác định các ưu tiên quy hoạch phát triển Moskva trong vai trò Thủ đô của nước Nga, trung tâm văn hóa - khoa học - tài chính quốc tế lớn trong toàn Liên bang; gìn giữ diện mạo lịch sử - kiến trúc của trung tâm thành phố, cải

thiện và phát triển toàn diện lãnh thổ; tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư; hoàn thiện hệ thống quy hoạch đô thị. Trong khuôn khổ hiện thực hóa chương trình quốc gia của Moskva, người dân được bảo đảm nhà ở, hạ tầng giao thông, hạ tầng xã hội, các điều kiện thuận lợi được hình thành để đầu tư vào bất động sản.

Trong những ưu tiên phát triển, chương trình không đề cập đến chức năng công nghiệp - sản xuất của Moskva, thành phố lớn nhất trong Liên bang. Còn bảo đảm chỗ làm việc cho người dân Thủ đô chỉ đứng ở vị trí cuối cùng trong số các nhiệm vụ mục tiêu của chương trình. Trong khi trên thực tế, các khu vực sản xuất chiếm một tỷ lệ lớn trên bản đồ thành phố. Quá trình tư nhân hóa đầu những năm 1990 và công cuộc cải tổ sau đó khiến sản xuất công nghiệp của Moskva đã bị thu hẹp, việc sử dụng các lãnh thổ công nghiệp hiện nay hầu như không còn liên quan đến hoạt động sản xuất.

Giai đoạn 2006 - 2008, có 83 vùng sản xuất được hình thành tại Moskva, với 158 khu công nghiệp thuộc phạm vi và 49 khu công nghiệp nằm ngoài phạm vi các vùng này. Những đặc

điểm chính của các vùng sản xuất và khu công nghiệp của Moskva là: tập trung tại khu vực giữa, phía bắc, nam và đông nam thành phố; liên kết với hạ tầng giao thông đường sắt; diện tích lớn (từ vài trăm tới vài nghìn ha).

Một trong những phương thức thực hiện chương trình về mặt tái tổ chức các khu vực sản xuất, công nghiệp là xác lập ranh giới sự phát triển tổng hợp các khu vực này. Phát triển tổng hợp có thể được thực hiện theo sáng kiến của chủ sở hữu đất hoặc sáng kiến của chính quyền địa phương. Thủ tục thực hiện hình thức phát triển lãnh thổ như vậy được quy định trong điều 46 của Bộ luật quy hoạch đô thị Liên bang Nga.

Tại Moskva, các lãnh thổ phát triển tổng hợp và bền vững trong phạm vi các vùng sản xuất đã được thiết lập theo sáng kiến của chính quyền tự quản địa phương (47 khu vực phát triển tổng hợp trong 16 vùng sản xuất), trong đó có Kuntsevo, Biryulyovo, Novoprezkovo, Korovino, Brattsevo, Yuzhny Port, nhà máy sản xuất ô tô ZIL, nhà máy Búa Liềm Đỏ...

Ngày nay, hình thức “redevelopment” là xây dựng đại trà các tổ hợp nhà ở, áp dụng cho lãnh thổ nhiều khu vực sản xuất. Trường hợp không thể xây nhà ở, các nhà xây dựng chuyển sang xây các công trình điểm (khu căn hộ cao cấp, tổ hợp khách sạn). Trên thực tế, những tòa nhà dân cư được xây tại các khu vực này hầu như vi phạm tiêu chuẩn vệ sinh và thiếu hạ tầng xã hội. Do đó, chương trình cải tạo nhà ở tại Moskva đang được thực hiện ở giai đoạn đầu chủ yếu cũng diễn ra tại các khu vực này.

Những khoản đầu tư lớn để phát triển hạ tầng giao thông và vận tải hành khách công cộng, đặc biệt để hình thành các tuyến đường sắt đô thị dọc theo đường vành đai Moskva, xây dựng tuyến đường tròn thứ hai cho hệ thống metro Moskva đang được thực hiện bằng cách “cắt” quỹ đất của nhiều vùng sản xuất. Hệ quả

thấy rõ của chính sách phát triển đô thị đang được triển khai hiện nay là không thể bố trí các cơ sở chuyên sản xuất sản phẩm của các viện nghiên cứu khoa học trong các lãnh thổ ban đầu được đặc biệt dành cho mục đích này.

Thay vì một giải pháp toàn diện, cân bằng, hợp lý đối với sự phát triển và bố trí các cơ sở sản xuất là việc tiếp tục phá vỡ các mối quan hệ sản xuất, hủy hoại các ngành sản xuất, đặc biệt là các ngành đòi hỏi hàm lượng khoa học cao, làm thui chột khả năng khôi phục công nghiệp cho tương xứng với tiềm năng khoa học và kinh tế của Moskva.

Cuối 2018 - đầu 2019, một số văn bản quy phạm pháp luật đối với việc cắt giảm lãnh thổ các khu vực sản xuất và khu công nghiệp bắt đầu có hiệu lực. Chính quyền Moskva coi việc phân định ranh giới của các khu vực này là biện pháp tăng tài nguyên đất để phát triển các khu vực đô thị. Nhiều khu vực bị xóa bỏ hoàn toàn trong các khu công nghiệp. Đáng chú ý là quy trình cắt giảm không tuân theo tính logic trong quy hoạch đô thị đối với việc phân vùng lãnh thổ. Các khu vực thường được giảm theo ranh giới lô đất, thay vì dọc theo các “vạch đỏ” hoặc các yếu tố quy hoạch quan trọng khác. Giảm lãnh thổ của các khu vực sản xuất hiện nay ở Moskva về bản chất là nhằm hợp thức hóa việc xây dựng thiếu căn cứ, và sử dụng các khu vực đô thị xuống cấp (tuy nhiên ở mức độ thấp).

Các hướng phát triển sản xuất chính hiện nay là tổ chức các khu công nghiệp, công viên công nghệ, hình thành các đặc khu kinh tế. Để bố trí sản xuất hợp lý, chủ yếu cần xem xét các lãnh thổ của Moskva Mới. Cách tiếp cận như vậy có những hạn chế nhất định đối với triển vọng phát triển công nghiệp: các doanh nghiệp lớn và vừa không đòi hỏi các công viên công nghệ, hình thức này chủ yếu phù hợp với các ngành sản xuất nhỏ, do đó khả năng phát triển

công nghệ và kỹ thuật của các ngành gần như không có. Việc tái định hướng đang được thực hiện theo hướng tái sử dụng các công nghệ, vật liệu và thiết bị đã được nghiên cứu trước đây. Các công viên công nghệ cần phải là yếu tố trung gian giữa nghiên cứu và phát triển khoa học, kỹ thuật và công nghệ cơ bản, nhằm thử nghiệm các công nghệ trước khi tổ chức sản xuất đại trà.

Hiện có 35 công viên công nghệ hoạt động trong Moskva, bao gồm các công viên công nghệ tư nhân, làng công nghệ và với hình thức sở hữu hỗn hợp. Hầu hết các công viên công nghệ thuộc tiêu chí “brown field”, nghĩa là nằm trong các cơ sở sản xuất được xây dựng trước đây, và hiện nay thích ứng với nhu cầu cho thuê để sản xuất hoặc làm cơ quan hành chính. Tiêu chí “green field” là các công viên công nghệ mới được xây dựng như Nagatino.

Yếu tố quan trọng trong sự phát triển các công viên công nghệ ở Moskva là một thực tế: Những điều kiện kinh tế đặc biệt cho các doanh nghiệp là đặc điểm chất lượng của các cấu trúc này. Như vậy, các công viên công nghệ đang có nhu cầu chủ yếu bởi các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các ngành sản xuất công suất thấp. Một phần đáng kể các công viên công nghệ được hình thành trong quá trình thích nghi của các tòa nhà sản xuất hiện hữu với việc cho thuê các mặt bằng sản xuất.

Còn các công viên công nghệ dành cho trẻ em (một trong những hướng phát triển được ưu tiên trong bối cảnh khoa học ngày càng trở nên phổ cập) có thể được mô tả là xa nghĩa nhất với khái niệm ban đầu “công viên công nghệ” - theo quan điểm chuyên môn. Sự thiếu phù hợp của các công viên công nghệ này với nhiệm vụ giáo dục đang thể hiện rõ ở nhiều mức độ khác nhau. Khi tách rời khỏi giáo dục cơ bản và không có mối liên hệ với sản xuất hàng hóa đại

trà, nhiệm vụ đặt ra rất khó khả thi.

Tóm lại, những xu hướng cơ bản trong phát triển các lãnh thổ công nghiệp ở Moskva hiện nay là:

- Giảm đáng kể lãnh thổ mà các cơ sở khoa học và công nghiệp “chiếm dụng”;
- Sử dụng các mặt bằng được giải phóng chủ yếu để xây nhà ở (gồm cả thực hiện chương trình cải tạo nhà ở);
- Tổ chức các công viên công nghệ, làng công nghệ như một biện pháp hỗ trợ nền sản xuất hiện có;
- Bố trí các cơ sở công nghiệp vừa và lớn trong lãnh thổ Moskva Mới.

Hệ quả từ chính sách quy hoạch đô thị được thực hiện liên quan đến các lãnh thổ công nghiệp có thể thấy được như sau:

- Tiếp tục phá vỡ mối liên kết “giáo dục - khoa học - sản xuất”;
- Phá vỡ các quan hệ sản xuất bên trong ngành cũng như liên ngành;
- Giải pháp tại chỗ để phân tích các lãnh thổ và đạt hiệu quả kinh tế trong ngắn hạn, song không phát triển tiềm năng công nghiệp trong dài hạn;
- Sự xuống cấp và phá vỡ hạ tầng vận tải hàng hóa.

Từ kết quả phân tích chính sách quy hoạch đô thị đang được thực hiện có liên quan đến các lãnh thổ công nghiệp, có thể thấy thực trạng của các lãnh thổ này hiện nay đang cần có những biện pháp cấp thiết nhằm tích hợp các lãnh thổ vào cấu trúc đô thị. Tuy nhiên, các xu hướng tích hợp đang được thực hiện trong giai đoạn này không phải nhằm mục tiêu phát triển hoặc khôi phục tiềm năng công nghiệp của Thủ đô.

Việc sử dụng lãnh thổ các khu vực sản xuất và khu công nghiệp được củng cố thêm bằng các cơ sở pháp lý. Luật số 35 của Moskva ngày 26/5/2004 “Về đặc điểm sử dụng các lô đất

nhằm bảo tồn tiềm năng khoa học - công nghiệp của thành phố Moskva” đã đề ra yêu cầu sử dụng các lãnh thổ công nghiệp với mục đích thực hiện các hoạt động khoa học - công nghiệp. Việc xác lập ranh giới của các khu vực sản xuất và công nghiệp trong thành phố hiện đang được tiến hành một cách quy củ hơn, và hiện thực hóa nhiệm vụ này cần trên cơ sở phân tích quy hoạch tổng thể của Moskva.

Quá trình phi công nghiệp hóa tại các quốc gia công nghiệp phát triển trong vài thập kỷ gần đây được các chuyên gia đánh giá khác nhau. Việc xuất hiện của những con rồng châu Á trong nền kinh tế đã đưa vấn đề “công nghiệp hóa kiểu mới” lên một bậc khác. Mối liên hệ giữa sự phát triển của nền văn minh và tăng trưởng kinh tế với sản xuất công nghiệp ngày càng rõ nét trong bối cảnh khủng hoảng kéo dài của mô hình kinh tế tài chính. Đối với nước Nga hiện đại, công nghiệp hóa kiểu mới là điều kiện để duy trì bản chất nhà nước, như những gì đã từng diễn ra vào những năm 1920 - 1930.

Quy hoạch tập trung thống nhất nhằm khôi phục và hình thành các liên kết mới giữa công nghệ và sản xuất, quan hệ tương tác giữa các giai đoạn giáo dục, khoa học và sản xuất của sản xuất công nghiệp cần phải trở thành cơ sở phát triển công nghiệp. Chỉ có cách tiếp cận như vậy mới có thể đảm bảo sự phát triển khoa học và phát triển sản xuất trong nền kinh tế. Sự thất bại của các phương thức thay thế đã được chứng minh bằng lịch sử mới đây của không chỉ Nga mà của nhiều quốc gia khác.

Quy hoạch tập trung thống nhất cần phải là cơ sở ở cả giai đoạn lập kế hoạch bố trí và thiết kế các cơ sở sản xuất - nghiên cứu khoa học. Cơ sở của một kế hoạch tổng thể để khôi phục và phát triển công nghiệp cần phải là: đánh giá các yếu tố quy hoạch đô thị - phân vùng lãnh thổ; an toàn giao thông (hàng hóa và hành

khách); an toàn kỹ thuật; phân tích tính liên kết ngành của các cơ sở khoa học - sản xuất, vị trí lãnh thổ của các cơ sở đó.

Trước đây, sản xuất được phân chia thành hai nhóm: sản xuất phương tiện sản xuất (nhóm A) và sản xuất hàng hóa (nhóm B). Dựa trên sự phân chia này, có tính đến tiềm năng khoa học và giáo dục của Thủ đô Moskva, cần thấy rõ phát triển nhóm A trong thành phố sẽ hợp lý hơn cả. Cần bố trí các cơ sở sản xuất thử nghiệm trong Moskva, và cần tạo sự liên kết chặt chẽ với các cơ sở khoa học - giáo dục tương ứng. Đây không chỉ là liên kết về mặt công nghệ, mà cả về mặt lãnh thổ.

Khi thiết kế các tòa nhà sản xuất mới, một mặt, cần có sự tuân thủ hoàn toàn các yêu cầu đối với một tòa nhà sản xuất hiện đại (về tính linh hoạt, tính tổng hợp và hiệu quả năng lượng của tòa nhà). Mặt khác, tất cả các tòa nhà mới, tòa nhà được tái thiết phải được thiết kế bằng các công cụ BIM, với việc lập các bản sao số hóa của các công trình, xây dựng hệ thống tính toán thống nhất trong các cơ sở sản xuất nhằm tăng hiệu quả việc điều hành tập trung và bố trí sản xuất, vận hành các cơ sở sản xuất. Chỉ có con đường phát triển như vậy mới có thể coi là đổi mới thật sự.

Tính linh hoạt của các tòa nhà sản xuất được hiểu là sự tương thích của các công trình này để bố trí các công nghệ sản xuất khác nhau, thay đổi, đổi mới theo từng giai đoạn. Tính tổng hợp của các tòa nhà sản xuất đòi hỏi tính chuyên ngành theo loại hình sản xuất: chế tạo máy công cụ; gia công kim loại,... Các hướng cơ bản để nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng cần phải bao gồm: sử dụng tối đa hệ thống thông gió và chiếu sáng tự nhiên để đảm bảo điều kiện vệ sinh nơi làm việc, giảm lượng năng lượng cần tiêu thụ để sản xuất và thu hồi nhiệt dư,... Các yêu cầu đối với các tòa

nhà sản xuất được tái thiết cũng cần phải tương tự như vậy.

Quá trình tái hòa nhập các lãnh thổ sản xuất- công nghiệp vào cấu trúc đô thị Moskva đòi hỏi cách tiếp cận cân bằng và có hệ thống hơn. Việc nhấn mạnh tính hòa hợp của các vùng lãnh thổ chủ yếu bằng cách phát triển xây dựng nhà ở sẽ mâu thuẫn với bản chất của Thủ đô - trung tâm khoa học công nghiệp đầu não, và có thể dẫn đến sự xuống cấp của môi trường mới do thiếu triển vọng phát triển kinh tế - xã hội trong những thập kỷ tiếp theo.

Xu hướng cơ bản phải là tăng hiệu quả sử dụng các vùng lãnh thổ, ưu tiên bảo tồn chức năng sản xuất và phát triển chức năng khoa học, phát triển môi trường đô thị, tăng hàm lượng công nghệ của môi trường đô thị tiệm cận trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến.

A.Fisenko - Viện Kiến trúc Moskva

Nguồn: Tạp chí Architecture & Modern Information Technologies tháng 2/2020

ND: Lê Minh

Khám phá mô hình quản lý thi công công trình xanh tại Trung Quốc

I. Nội hàm quản lý thi công công trình xanh

Quản lý thi công công trình xanh, chủ yếu tiến hành quản lý đối với nguồn năng lượng, tài nguyên nước và các vấn đề ô nhiễm, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường xung quanh. Trong quá trình thi công, nhân viên quản lý chú ý kết hợp các tài nguyên như vật liệu xây dựng, công nghệ thi công, thiết bị công trình, kỹ thuật..., dự phòng lãng phí năng lượng, tích cực đề cao việc tận dụng năng lượng bền vững.

Triết lý quản lý thi công xanh có những đặc trưng sau:

1. Đặc trưng nhất thể hóa

Trong hàng loạt quá trình thực tiễn, có thể không khó nhận ra hiệu quả bảo vệ môi trường xanh hết sức rõ ràng, đồng thời kiểm soát hơn nữa tình hình sử dụng số lượng thiết bị máy móc. Trong thi công trước đây, thiết bị công trình đơn nhất được xem là trọng tâm quản lý, trong khi triết lý quản lý thi công xanh được xây dựng trên nền tảng thiết bị máy móc đa chức năng, lợi dụng các biện pháp như cắt giảm số lượng thiết bị hiện trường, nhân viên, hao tổn tài nguyên... để giảm

nhẹ các vấn đề ô nhiễm về mặt căn bản.

2. Đặc trưng hệ thống hóa

Hệ thống hóa thi công xanh thể hiện ở những phương diện sau: Giai đoạn thiết kế tổ chức thi công và chuẩn bị thi công trong quá trình thi công ban đầu bao gồm công tác tiết kiệm năng lượng giảm phát thải và công tác bảo vệ môi trường, tuy nhiên chỉ là hoàn thành một phần nhiệm vụ quản lý. Trọng tâm của thi công xanh là hiệu quả tổng thể, với mục tiêu là tính tổng hợp của hệ thống, thúc đẩy sự phát triển bền vững của công trình, nhân tạo và tự nhiên.

3. Đặc trưng thông tin hóa

Thông tin hóa thi công xanh có nghĩa là tận dụng các tham số động để kiểm soát lượng thi công, thông qua khoa học kỹ thuật để hoàn thành nhiệm vụ quản lý công trình xây dựng, tạo sự đảm bảo có lợi cho việc xây dựng thông tin hóa công trình xây dựng. Dựa vào đó, cái mà đặc trưng thông tin hóa thi công xanh chú trọng là tích hợp hiệu quả các nguồn lực, trong quá trình xây dựng đạt được hiệu quả về cacbon thấp, bảo vệ môi trường...

II. Những vấn đề tồn tại trong quản lý thi

công trình xanh tại Trung Quốc

Công trình xanh của Trung Quốc bắt đầu phát triển vào những năm 1990 của thế kỷ XX, tuy nhiên vẫn đang trong giai đoạn đầu phát triển. So sánh với công trình truyền thống, công trình xanh về mặt thiết kế đã thể hiện đầy đủ triết lý xanh. Trong toàn vòng đời công trình, bao gồm giai đoạn thiết kế, giai đoạn thi công, giai đoạn vận hành kinh doanh và giai đoạn bảo trì hậu kỳ, công trình xanh luôn xem xét đầy đủ tới môi trường sinh thái xung quanh, theo đuổi sự cộng sinh hài hòa với môi trường xung quanh. Công trình xanh giảm thiểu tiêu hao tài nguyên, tránh ô nhiễm môi trường ở mức độ lớn nhất, phù hợp sinh hoạt và tận dụng đầy đủ tài nguyên thiên nhiên, không phá vỡ cân bằng sinh thái cơ bản của môi trường, từ đó thực hiện phát triển bền vững. Vì vậy, công trình xanh cũng được gọi là “công trình bền vững”, “công trình sinh thái”, “công trình trở về thiên nhiên” hay “công trình tiết kiệm năng lượng bảo vệ môi trường”.

Hoạt động quản lý dự án nhất định cần tuân theo các quy phạm thi công tương ứng, vận dụng hợp lý công tác quản lý thi công công trình xanh, cố gắng cắt giảm các tác động tới môi trường xung quanh, từ đó nâng cao trình độ quản lý thi công công trình, đảm bảo chất lượng dự án công trình, thỏa mãn lợi ích kinh tế xã hội. Tích cực thực thi quản lý thi công công trình xanh, đi theo con đường phát triển bền vững mới có thể giành thắng lợi trong cạnh tranh thị trường của ngành xây dựng.

1. Hệ thống quản lý thi công công trình xanh không đủ hoàn thiện

Trên thực tế, các văn bản quản lý trong ngành xây dựng của Trung Quốc sớm đã đề cập tới những nội dung liên quan tới quản lý thi công công trình, đồng thời cũng đã tiến hành thuyết minh chi tiết đối với các nội dung như bảo vệ môi trường xanh, tiết kiệm năng lượng..., tuy

nhưng dưới ảnh hưởng của nhiều nhân tố, cho tới nay hiệu quả thực thi vẫn chưa được như ý, nguyên nhân chủ yếu là do ý thức và quy tắc của các đơn vị có liên quan chưa mạnh, thiếu các biện pháp thực thi cụ thể. Ngoài ra, các nội dung trong một số văn bản pháp luật có liên quan vẫn chưa đưa ra chi tiết thực thi rõ ràng, chưa có các nội dung về quản lý giám sát bắt buộc, do đó rất khó để thực thi đúng đắn. Thêm vào đó, các mục về tiết kiệm năng lượng trong các văn bản quản lý vẫn chưa thể hoàn thiện kịp thời, quyền hạn và trách nhiệm thi công chưa được xác định rõ ràng, nếu như chỉ đơn thuần dựa vào phương thức tuyên truyền chính sách, hoặc dựa vào hình thức khích lệ đơn nhất thì sẽ khó có thể hình thành sự quản lý chế độ hóa, do đó tính hiệu quả thực tế vẫn chưa đủ rõ rệt.

2. Chi phí tiêu hao quá lớn, mức độ khó trong quản lý lớn

Trong quá trình thực thi quản lý thi công công trình xanh, cần đề cập tới rất nhiều giai đoạn sản xuất. Tuy nhiên, do nhiệm vụ của mỗi giai đoạn không giống nhau, hơn nữa giữa các khâu lại có những liên hệ đặc biệt nhất định, do đó cần phải kịp thời sử dụng phương thức quản lý tương ứng. Do tổng chi phí của sản xuất sẽ chịu hạn chế bởi chi phí giai đoạn, do đó khi mức chi phí của một khâu nào đó vượt quá dự tính, vậy sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới tổng chi phí. Do yêu cầu kỹ thuật vật liệu công trình xanh khá cao, các thiết bị cần trong khâu sản xuất và nhân viên có liên quan... đều vượt trên chi phí quản lý thi công công trình thông thường, do đó tổng chi phí sẽ khá cao. Ngoài ra, các lĩnh vực chuyên ngành mà công trình xanh đề cập tới cũng khá rộng, thậm chí có liên quan mật thiết với các cơ quan của chính phủ, do đó trình tự sản xuất và quản lý sẽ phức tạp hơn, kết cấu sản xuất công trình xanh cũng cần phải điều chỉnh tương ứng, độ khó trong quản lý cũng sẽ

có xu thế gia tăng.

3. Thiếu đội ngũ quản lý chuyên nghiệp hóa và phương thức quản lý tiên tiến

Thời gian thực thi toàn diện cho công tác quản lý thi công công trình xanh khá ngắn, tình hình công tác của các nhân viên chuyên ngành cũng không mấy lạc quan. Dưới ảnh hưởng của trình độ năng lực nhân viên, trình độ xây dựng đội ngũ quản lý cũng đang trong giai đoạn chậm trễ. Trong đội ngũ quản lý công trình, vẫn lấy cách quản lý truyền thống làm chủ đạo. Các hoạt động giáo dục đào tạo của đơn vị xây dựng đối với các nhân viên quản lý vẫn khá ít ỏi. Trong tình hình thiếu hụt nhân viên chuyên ngành cũng như các kiến thức chuyên ngành, hiệu quả quản lý thi công xanh chắc chắn không thể lớn.

III. Hoàn thiện mô hình quản lý thi công công trình xanh

1. Tích cực xây dựng hệ thống quản lý, thực thi các chức trách có liên quan

Nếu cần thực hiện mục tiêu quan trọng về công trình xanh, cần phải lấy hệ thống quản lý hoàn thiện làm chỗ dựa quan trọng. Lấy đó làm cơ sở, thực hiện nghiêm chỉnh theo các chế độ quản lý và pháp luật có liên quan, từ đó thực thi công tác quản lý có hiệu quả. Dưới chế độ hoàn thiện, người quản lý công trình sẽ có thể thực thi các chính sách quản lý và các pháp luật liên quan một cách khoa học. Trong hoàn cảnh phù hợp, cơ quan chính phủ cần thực thi điều tiết kiểm soát vĩ mô đối với các đơn vị thi công công trình, hướng dẫn phương pháp cho công tác quản lý một cách hiệu quả và dài lâu. Đối với cơ quan chính phủ mà nói, cần thực thi kịp thời việc tuyên truyền có liên quan tới sản xuất xanh, đồng thời đưa các nội dung pháp luật liên quan tới công trình xanh vào các bài giảng dạy công khai trong ngành. Nếu như điều kiện cho phép, còn có thể thực thi kiểm tra kiến thức về sản

xuất xanh, đảm bảo triết lý này có thể đi sâu vào trong nội bộ công tác quản lý, đồng thời đưa vào hành động. Trong quá trình quản lý giám sát, cần sử dụng biện pháp mang tính bắt buộc, ngoài ra còn nên kịp thời tiến hành cải tiến đối với những điểm chưa đầy đủ xuất hiện trên thị trường, đảm bảo cho hệ thống quản lý được ứng dụng hiệu quả cao vào thực tiễn.

2. Chính phủ đưa ra các chính sách hướng dẫn

Thi công công trình xanh phù hợp với triết lý phát triển bền vững. Để thúc đẩy công tác thi công công trình xanh được tiến hành tốt hơn, chính phủ có thể đề ra các chính sách phù hợp để hướng dẫn, quy phạm ngành xây dựng phát triển theo hướng công trình xanh, đồng thời sử dụng các biện pháp có liên quan để điều tiết và kiểm soát đối với chất lượng thi công công trình xanh, xây dựng hệ thống quản lý giám sát tương ứng để thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của công trình xanh, đồng thời hoàn thiện các quy định chính sách liên quan để đảm bảo cho sự phát triển hợp lý của công trình xanh. Ngoài ra, chính phủ còn có thể đưa ra các chính sách hỗ trợ từ các phương diện thuế tài chính chuyển sang phương diện công trình xanh, như vậy có thể tiến hành kiểm soát đối với quá trình thi công công trình xanh về mặt căn bản, lấy các chính sách hỗ trợ để thúc đẩy sự phát triển của công trình xanh, lấy hệ thống quản lý giám sát và các quy định pháp luật có liên quan để tăng cường giám sát đối với quá trình thi công, như vậy có thể thúc đẩy sự phát triển tổng hợp của công trình xanh, đồng thời đảm bảo chất lượng thi công cho công trình xanh. Chính phủ cũng cần tích cực tiếp thu một số ý kiến mang tính xây dựng, hoàn thiện các cơ chế thưởng phạt có liên quan, tiến hành khích lệ đối với một số doanh nghiệp có tư tưởng mới, đưa ra các kỹ thuật mới, đồng thời tiến hành trừng phạt đối với

những doanh nghiệp không thay đổi, gây ra ô nhiễm cao, từ đó lấy phương thức điều tiết kiểm soát tổng hợp nhiều phương diện để thúc đẩy sự phát triển ổn định của ngành xây dựng xanh.

3. Nâng cao mức độ chuyên nghiệp trong đội ngũ quản lý

Doanh nghiệp xây dựng cần tiến hành định kỳ đánh giá kỹ năng và thu hút nhân tài, đồng thời cần thực thi nhập khẩu các kỹ thuật tương ứng. Về phương diện thu hút tài nguyên nhân lực, có thể nâng hợp lý mức lương hoặc tăng chi phí hiệu suất, từ đó đảm bảo gia tăng hiệu quả sản xuất kỹ thuật. Khi kỹ thuật, nhân tài kiểu mới được ứng dụng rộng rãi, chi phí thi công công trình sẽ giảm dần, đồng thời hiệu quả sản

xuất xanh sẽ ngày càng rõ rệt. Ngoài nhập khẩu kỹ thuật, cần tiến hành đánh giá kỹ năng và kiểm tra lý thuyết đối với nhân viên nội bộ, đảm bảo triết lý sản xuất xanh của nhân viên được củng cố. Nguồn nguyên vật liệu thi công tại hiện trường cần được sử dụng hợp lý, vấn đề trách nhiệm cần được xác định rõ ràng. Ngoài ra, các vấn đề như bụi đất, vật liệu bốc xếp... tại hiện trường thi công cần được xử lý kịp thời.

Trương Tân Hoa

Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc

Trung Quốc, số 5/2019

ND: Kim Nhạn

Trung Quốc xây dựng mô hình môi trường xử lý rác thải nhà bếp, hỗ trợ nâng cao trình độ môi trường bảo vệ môi trường sinh thái

Hiện tại, việc xử lý rác thải nhà bếp đã trở thành nội dung quan trọng và là vấn đề dân sinh to lớn trong xây dựng văn minh sinh thái của Trung Quốc. Khu vực Chương Khâu, thành phố Tế Nam, tỉnh Sơn Đông đã trải qua hơn 8 năm tìm tòi thực tiễn, kết hợp với công tác phân loại rác thải, sáng tạo và tận dụng phương thức xử lý sinh học, đó là nuôi một loài gián châu Mỹ để xử lý rác thải nhà bếp và đã thu được những hiệu quả kinh tế, môi trường và xã hội hết sức tốt đẹp, làm nổi bật sức hút to lớn về nền kinh tế tuần hoàn, mở ra mô hình mới trong lĩnh vực xử lý rác thải nhà bếp.

1. Khó khăn trong xử lý rác thải nhà bếp đã thúc đẩy việc đổi mới kỹ thuật

Các phương thức xử lý truyền thống như lên men yếm khí, chôn lấp, ủ phân... có chi phí rất cao, đầu tư tài chính lớn, tỷ lệ tận dụng tài nguyên hóa thấp đã trở thành rào cản hạn chế

công tác xử lý rác thải nhà bếp, do đó cần phải vận dụng một phương pháp mới để gia tăng sự đột phá.

Trải qua nhiều năm nghiên cứu và thực nghiệm, Trung tâm Vệ sinh môi trường khu vực Chương Khâu đã phát hiện và lợi dụng một loài gián châu Mỹ để tiến hành xử lý sinh học đối với rác thải nhà bếp, đây là một phương thức xử lý rất hữu hiệu. Loài gián châu Mỹ là một loài côn trùng ăn tạp lớn nhất thuộc họ gián, so sánh với các sinh vật như ruồi giấm, ruồi nước đen..., loài gián châu Mỹ này sống theo đàn, sinh sản nhanh, ăn thức ăn tạp, lượng thức ăn lớn, sau khi vỏ trứng nở ra những con ấu trùng là có thể tiến hành nghiền nát, xáo trộn rác thải nhà bếp để làm thức ăn. Đặc tính sinh học này cực kỳ có lợi cho việc thực hiện nuôi trồng với quy mô hóa mật độ cao, hơn nữa do cơ thể, trứng và kích thước phân của loài gián này khác biệt khá lớn cho nên thích hợp

với việc sử dụng các thiết bị công nghiệp hóa để thu gom và phân tách. Loài gián châu Mỹ mỗi năm có khoảng 10 tháng dành cho chu kỳ nạp thức ăn cho nên chúng có thể tiêu hóa sạch sẽ toàn bộ rác thải rắn và nước rỉ rác thải, nếu không phát xả nước thải thì cũng không cần xử lý thứ cấp. Tập tính đặc biệt này của loài gián châu Mỹ đã khiến chúng trở thành lựa chọn tốt nhất trong xử lý sinh học quy mô hóa, công nghiệp hóa đối với rác thải nhà bếp.

Mô hình này được coi là một loại ứng dụng mang tính đột phá trong xử lý rác thải nhà bếp, mở ra con đường mới hiệu quả trong xử lý rác thải nhà bếp. Dự án này đã nhận được hơn 40 bằng sáng chế quốc gia, dần dần nhận được sự đánh giá và tán thành cao độ từ các chuyên gia trong ngành như Tổ chức nghiên cứu xử lý chất thải quốc gia, Bộ Nhà ở và Xây dựng đô thị - nông thôn, Hiệp hội công nghiệp bảo vệ môi trường Trung Quốc, tỉnh Sơn Đông..., được ông Tôn Cửu Lâm - Viện sĩ Viện Công trình Trung Quốc gọi là “Công nghệ quốc tế hàng đầu trong ngành xử lý rác thải nhà bếp”. Các cơ quan truyền thông như Tân Hoa xã, Nhân Dân nhật báo, Tạp chí tin tức Trung Quốc, Đài truyền hình Trung ương Trung Quốc... quan tâm chú ý và đưa tin rộng rãi.

2. Nhiều lợi ích buộc ngành công nghiệp phải sao chép và mở rộng

Hiện tại, dự án này đã hoàn thành xây dựng phòng thí nghiệm mở rộng thử nghiệm và mẫu mô hình công nghiệp hóa. Trung tâm xử lý sinh học rác thải nhà bếp chiếm diện tích 90 mẫu Trung Quốc (khoảng 6 hecta), số tiền đầu tư trong giai đoạn đầu là hơn 50 triệu NDT. Xưởng chăn nuôi đầu tiên đưa vào sử dụng vào tháng 8/2018, tổng cộng nuôi 1 tỷ con gián châu Mỹ, năng lực xử lý rác thải nhà bếp là 50 tấn/ngày. Dự án giai đoạn 2 đã xây dựng và đưa vào sử dụng vào cuối tháng 10/2019. Sau khi hoàn

thành xây dựng, toàn bộ dự án có khả năng xử lý rác thải nhà bếp đạt tới 200 tấn/ngày, do đó toàn bộ rác thải nhà bếp trong phạm vi khu vực Chương Khâu đều có thể thực hiện xử lý sinh học.

Trong quá trình vận hành, các kỹ thuật mới được tích cực ứng dụng để đảm bảo cho công tác quản lý vận hành dự án được quy phạm hóa, tiêu chuẩn hóa. Trong xưởng chăn nuôi có khu vực tiền xử lý rác thải nhà bếp, khu cho ăn tự động, hệ thống thu gom tự động thân thể, vỏ trứng và phân gián, thực hiện vận hành tự động hóa toàn diện việc cho ăn và thu gom. Ngoài ra, lợi dụng 3 thiết bị phòng hộ quan trọng là lưới thép không gỉ, rèm nước 360 độ, đường nước khép kín toàn bộ, đảm bảo toàn bộ quá trình chăn nuôi được kiểm soát và bảo vệ môi trường. Để tận dụng đầy đủ tài nguyên đất đai và nhiệt sinh học trong quá trình chăn nuôi, dự án còn xây dựng nhà kính để trồng các loại cây trồng như rau xanh và cây ăn quả..., hình thành nên mô hình nông nghiệp sinh thái ba chiều kết hợp trồng trọt và chăn nuôi.

Khu vực Chương Khâu luôn kiên trì nâng cao việc tận dụng tài nguyên hóa rác thải nhà bếp, và coi đây là một công tác trọng điểm để nghiên cứu và mở rộng. Theo kiểm tra, thân thể của loài gián châu Mỹ có lượng dinh dưỡng phong phú, hàm lượng protein cao tới 71,2%, hàm lượng cao hơn so với bột cá và bột đậu nành, là phụ gia thức ăn chăn nuôi có giá trị gia tăng cao, hàm lượng protein cao, có thể hóa giải vấn đề thiếu thốn nguồn thức ăn chăn nuôi từ đạm động vật tại Trung Quốc.

Trong cơ thể loài gián châu Mỹ có rất nhiều thành phần miễn dịch hoạt tính và axit amin, có thể thay thế hiệu quả kháng sinh chăn nuôi. Trong quá trình chăn nuôi, nếu thêm một tỷ lệ nhất định bột côn trùng thì có thể nâng cao đáng kể sức đề kháng của vật nuôi, giảm thiểu tỷ lệ bệnh tật, tránh hiệu quả việc sản sinh vấn

đề truyền nhiễm cùng nguồn gốc khi sử dụng rác thải nhà bếp làm thức ăn trực tiếp cho vật nuôi. Ngoài ra, chất bài tiết từ loài gián châu Mỹ cũng là một loại phân hữu cơ thúc đẩy cây trồng, hoa cỏ... Có thể nói, việc vận hành toàn bộ dự án đã thực hiện tận dụng tối đa tài nguyên hóa rác thải nhà bếp, có hiệu quả kinh tế và xã hội rất cao. Dự án xử lý sinh học rác thải nhà bếp này bản thân đã có những ưu điểm như tiết kiệm đất đai, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm không gian, tiết kiệm nhân lực..., không những giải quyết những vấn đề khó trong xử lý rác thải nhà bếp, mà còn hình thành nên mô hình công nghiệp hóa với chi phí đầu tư thấp, giá trị gia tăng cao và có thể sao chép với tốc độ nhanh.

3. Khâu xử lý cuối thức đẩy phân loại rác thải ở khâu đầu

Để có được những kết quả tại khâu xử lý sau cùng, thúc đẩy tích cực của các đơn vị ăn uống, giải quyết các trở ngại trọng điểm, khu vực Chương Khâu đã luôn nỗ lực suy nghĩ và tìm biện pháp giải quyết, từ năm 2014 đã bắt đầu tích cực nghiên cứu tìm tòi các biện pháp phân loại, vận chuyển và xử lý đối với rác thải nhà bếp.

Thực hiện quản lý công tác xử lý và quản lý kiểm soát rác thải nhà bếp từ đầu nguồn. Dựa vào các cơ quan chức năng như quản lý giám sát thị trường, vệ sinh y tế..., lần lượt tiến hành kiểm tra đối với các nhà hàng vừa và lớn, các nhà ăn thuộc các đơn vị và trường học, các quán ăn vật... trong toàn khu vực Chương Khâu và đã ghi chép chi tiết các thông tin về đơn vị sản xuất, số lượng sản xuất và địa điểm sản xuất... rác thải nhà bếp, để từ đó xây dựng kiện toàn cho công tác xử lý rác thải nhà bếp. Thực

hiện phát thống nhất tới các đơn vị ăn uống “Thông tư liên quan đến việc quy phạm thu gom rác thải nhà bếp”, ký kết “Hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải nhà bếp”, thiết lập danh sách quản lý đối với mỗi đơn vị kinh doanh ăn uống, xác định rõ thời gian thu gom, vận chuyển rác thải nhà bếp, nghĩa vụ trách nhiệm và tiêu chuẩn xử phạt, thực hiện quản lý kiểm soát rác thải nhà bếp từ đầu nguồn. Năm 2019, toàn khu vực Chương Khâu có hơn 1.300 đơn vị ăn uống đăng ký danh sách, đồng thời ký kết thỏa thuận dịch vụ. Toàn khu vực tổng cộng bố trí 25 chiếc xe thu gom các loại, 2.500 thùng thu gom các loại rác thải, thực hiện thống nhất quản lý và vận chuyển rác thải nhà bếp, lượng rác thải nhà bếp thu gom và vận chuyển đạt khoảng 65 tấn/ngày.

Để đảm bảo hiệu quả phân loại rác thải nhà bếp, Chương Khâu đã thành lập các đội kiểm tra đôn đốc chuyên môn, bám sát trọng điểm các phương diện như thực hiện thỏa thuận thu gom, vận chuyển, hoàn chỉnh đăng ký kế hoạch công tác, chuẩn bị tốt các thiết bị thu gom vận chuyển, nâng cao chất lượng phân loại... để triển khai kiểm tra giám sát thường xuyên. Thông qua kiểm tra để đôn đốc giải quyết trọng điểm các vấn đề rác thải hỗn tạp, tránh việc phát thải rác thải nhà bếp bừa bãi, ngăn chặn hiện tượng vận chuyển không kịp thời, nâng cao hiệu quả trình độ phân loại, tập trung vận chuyển, xử lý quy phạm rác thải nhà bếp.

Đổng Gia Kiều

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn
Trung Quốc, số 9/2019*

ND: Kim Nhạn

Xây dựng các thành phố xanh - Kinh nghiệm quy hoạch đô thị bền vững của châu Âu

Các thành phố châu Âu luôn dẫn đầu về chất lượng cuộc sống và tính sinh thái của môi trường đô thị. Việc tích hợp các nguyên tắc xanh được thực hiện ở những giai đoạn khác nhau - từ phê duyệt kế hoạch và chiến lược phát triển đô thị đến sự quản lý hàng ngày của chính quyền đô thị, việc ủng hộ các sáng kiến môi trường của người dân. Mục tiêu cơ bản của mọi cải cách công nghệ và hoạt động quản lý - biến các thành phố đang phát triển thành những nơi đáng sống, không hủy hoại mà tích cực hỗ trợ khả năng sinh tồn của hệ sinh thái, đồng thời tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Rất nhiều giải pháp đô thị được triển khai ở các nước EU có thể hữu ích đối với Liên bang Nga. Tác giả bài viết sẽ phân tích một số ví dụ cụ thể của các thành phố Helsinki (Phần Lan), Copenhagen (Đan Mạch), Berlin (Đức), Paris (Pháp) và một số thành phố châu Âu khác.

Hệ thống xanh

Nửa đầu thế kỷ XX, các thành phố công nghiệp châu Âu với những bức tường phủ đầy bụi than và không khí ô nhiễm, những dòng sông đục ngầu và những đường phố ngập rác bắt đầu được cải tạo từng bước, đầu tiên là di dời các nhà máy sản xuất ra khỏi trung tâm thành phố, áp dụng các hạn chế đối với nhà máy nhiệt điện, tiếp đó phát triển hệ thống giao thông công cộng, nhận thức rõ tầm quan trọng và sự cần thiết duy trì các không gian xanh. Hiện nay, chính sách sinh thái của các thành phố tập trung vào việc tái quy hoạch để làm cho các không gian đô thị sạch hơn và đáng sống hơn. Việc tiếp tục hạn chế xe hơi cá nhân, phủ xanh mái, xanh tường các tòa nhà giúp thanh lọc bầu không khí và chống nóng mùa hè. Còn năng lượng được tiết kiệm thông qua ứng dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng và sản xuất năng lượng tái tạo.

Các thành phố phát triển từng ngày. Theo các số liệu thống kê, hiện nay, hơn nửa dân số thế giới sống tại khu vực thành thị. Trong khi đó, tác động của các đô thị tới môi trường vẫn luôn là vấn đề vô cùng phức tạp. Các khu vực đô thị tiêu thụ phần lớn nguồn tài nguyên (gồm năng lượng, nước), và tạo ra phần lớn lượng rác thải. Các nhà máy, xí nghiệp trong đó có nhà máy năng lượng và phương tiện cơ giới làm ô nhiễm không khí, nước, đất. Việc đốt nhiên liệu hóa thạch dẫn đến lượng phát thải khí nhà kính gia tăng (các thành phố chiếm tới 70% tổng lượng phát thải của thế giới).

Ứng dụng các công nghệ xanh hiệu quả năng lượng và công nghệ thông minh sẽ giúp giảm thiểu tác động tiêu cực của các thành phố tới môi trường sinh thái. Hiện các thành phố toàn thế giới đang đi theo xu hướng sinh thái, và các thành phố châu Âu với truyền thống của mình luôn tiên phong về các cải cách xanh.

Yếu tố chủ chốt để quản lý bền vững môi trường của thành phố hiện đại chính là tính hệ thống. Chính quyền thành phố cần chú trọng đến mọi quy trình kinh tế - xã hội, quản lý tổng thể các hệ sinh thái có trong thành phố, và đưa yếu tố môi trường vào tất cả các kế hoạch phát triển đô thị. Đây là quan điểm chung của Copenhagen, Helsinki, Berlin và nhiều thành phố lớn khác của châu Âu. Nhiều thành phố đã tích hợp các chính sách xanh vào các kế hoạch phát triển tương lai của mình. Có thể hình dung mô hình phát triển các quận mới của Copenhagen và Helsinki như một bàn tay, trong đó việc xây dựng mới (các quận dân sinh hoặc quận làm việc) được mở rộng và phát triển thành các ngón tay, và giữa các ngón tay sẽ là những không gian xanh đóng vai trò vùng đệm sinh thái.

Ở cấp liên thành phố, châu Âu đang thực

hiện kế hoạch quản lý tích hợp tài nguyên nước (sông, hồ, biển); và ở cấp liên quốc gia là hệ thống quản lý tích hợp biển Baltic. Giải pháp tích hợp như vậy rất quan trọng đối với các thành phố duyên hải của Nga - theo Giám đốc Tổ chức Môi trường Saint Peterburg, bà Onga Senova. Trước đây, các dự án thực hiện trong vùng Vịnh Phần Lan nói chung có chỉ số môi trường tốt, song hệ quả cuối cùng là số lượng benthos (vi sinh vật đơn bào, là nguồn thức ăn chính cho cá) giảm dần qua từng năm. Giờ đây, bất cứ dự án hạ tầng mới nào tại khu vực này (làm đường, xây nhà, đặt đường ống, xây các lãnh thổ nhân tạo...) đều được đánh giá riêng về tác động môi trường. Một khía cạnh phát triển tích hợp khác - áp dụng không chỉ các chương trình sinh thái điểm hoặc xây dựng các vùng xanh riêng biệt, mà phát triển tổng hợp toàn bộ lãnh thổ đô thị. Hamburg và Barcelona đã đưa các kế hoạch khí hậu của thành phố, bao gồm các cam kết giảm phát thải khí nhà kính và các biện pháp cụ thể để đạt được mục tiêu này vào chương trình phát triển. Cuối cùng là giảm tiêu thụ năng lượng, tăng hiệu quả năng lượng, phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, phát triển các loại hình vận tải thấp carbon, giảm khối lượng rác thải (chủ yếu bằng cách phát triển tái chế).

Chính các thành phố (chứ không phải các quốc gia và liên minh EU nói chung) đề ra những mục tiêu tham vọng hơn trong việc giảm phát thải khí nhà kính hoặc phát triển các nguồn năng lượng tái tạo. Hiện nay, hơn 80 thành phố EU (trong đó có Copenhagen, Vienna, Munich, Malmo...) đã đặt mục tiêu nâng tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong cân bằng năng lượng của khu vực lên 100% (cho tới năm 2025, 2030 và 2040 tùy điều kiện của từng thành phố). Nhiều thành phố châu Âu đang thực hiện các dự án điểm - nỗ lực “xanh hóa” không chỉ việc sản xuất điện mà cả nhiệt, điều này đặc biệt cấp thiết đối với các quốc gia có khí hậu lạnh. Tại Stockholm, hơn một nửa

nhà ở sử dụng bơm nhiệt cho mục đích sưởi ấm. Tại ngoại ô Helsinki, dự án nhiệt địa nhiệt và trạm điện đô thị đã được triển khai. Chính quyền các thành phố của Đức, Áo và Thụy Điển tiếp tục hỗ trợ xây dựng các tòa nhà tự chủ hoặc thụ động năng lượng (những ngôi nhà có mức sản xuất điện nhiều hơn mức tiêu thụ) dựa vào các nguồn năng lượng tái tạo. Tất cả các tòa nhà mới được xây dựng tại Luxembourg từ năm 2017 phải tuân thủ tiêu chuẩn nhà thụ động, các quy tắc tương tự cũng đã được áp dụng tại một số vùng của CHLB Đức. Chẳng hạn tại Heidelberg, toàn bộ một quận mới với tất cả nhà thụ động được xây dựng, và trên khắp nước Đức, những khu dân cư cân bằng năng lượng đang xuất hiện ngày càng nhiều.

Hỗ trợ phát triển năng lượng tái tạo ở cấp độ đô thị cũng cấp thiết đối với Liên bang Nga, nhất là các thành phố, khu vực dân cư nằm trong những vùng cung cấp năng lượng phi tập trung, cần thường xuyên vận chuyển dầu mazut và dầu diesel tới - đó là ý kiến của ông Igor Bashmakov, Tổng Giám đốc Trung tâm sử dụng năng lượng hiệu quả Moskva. Ông cho biết: Ứng dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng và năng lượng tái tạo sẽ tạo hiệu quả sinh thái (dưới hình thức giảm khí thải nhà kính và các chất ô nhiễm từ việc đốt dầu mazut và dầu diesel), hiệu quả xã hội (cải thiện sức khỏe người dân), hiệu quả kinh tế (dưới hình thức tiết kiệm chi phí ngân sách các cấp dành cho nhiên liệu nhập khẩu và tạo việc làm mới).

Trong các kế hoạch tổng thể để phát triển các thành phố châu Âu xuất hiện ngày càng nhiều thuật ngữ mới “circular economy” - mô hình kinh tế xem xét sự quay vòng của rác thải trong lưu thông kinh tế, xử lý hoàn toàn hoặc tái sử dụng rác. Ví dụ cho vấn đề này là ý tưởng phát triển circular economy tại Vùng thành phố Paris, hỗ trợ các biện pháp tái chế hàng gia dụng và quần áo, hình thành các hệ thống đô thị để thu gom rác hữu cơ (chủ yếu rác thực phẩm) từ các hộ gia đình, siêu thị, chợ, nhà hàng.

Trong lĩnh vực giao thông đô thị, nhiều thành phố châu Âu đang chuyển sang ý tưởng quản lý “tính cơ động đô thị” thay vì quản lý giao thông, cụ thể là xây dựng hạ tầng để có thể đáp ứng khả năng di chuyển nhanh chóng từ điểm A đến điểm B cho tất cả các nhóm dân cư, đồng thời giảm thiểu lượng phát thải khí nhà kính và các chất gây ô nhiễm. Những biện pháp cụ thể trong chính sách giao thông của các thành phố EU: Hạn chế việc sử dụng và tăng chi phí sử dụng xe hơi cá nhân (chạy bằng xăng hoặc dầu diesel), hỗ trợ giao thông công cộng hiệu quả, khuyến khích đi xe đạp, xe ô tô điện và hình thức car - sharing. Bên cạnh đó, chính quyền các đô thị cần thường xuyên thông tin về các biện pháp không phổ biến (không được áp dụng phổ biến mà chỉ đối với một khu vực cụ thể hoặc nhóm đối tượng cụ thể) nhằm hạn chế phương tiện cá nhân, chẳng hạn cấm sử dụng ô tô vào một số ngày nhất định, hoặc chỉ được phép sử dụng xe thuộc một số dòng xe bảo vệ môi trường trong khu vực trung tâm thành phố, tăng phí bãi đỗ xe... Đôi khi, các giải pháp này cần được tham vấn các tổ chức xã hội, các cơ quan đô thị hoặc thậm chí trưng cầu dân ý trong khoảng thời gian khá dài, nhằm tìm tiếng nói chung. Ví dụ: Stuttgart (CHLB Đức) hiện đang thảo luận các kế hoạch cấm hoàn toàn sử dụng phương tiện cá nhân (sử dụng xăng hoặc dầu diesel) trong những khung giờ cụ thể, trong trường hợp mức ô nhiễm không khí nghiêm trọng. Hầu hết các thành phố châu Âu đang chuyển từ ý tưởng xây số lượng lớn đường cao tốc nhiều làn sang ý tưởng đưa giao thông ra khỏi thành phố, đưa đường cao tốc xuống ngầm dưới đất, hình thành các đại lộ và khu vực mới dành cho người đi bộ.

Cây xanh không chỉ làm đẹp cho thành phố

Nói tới phát triển đô thị xanh, không thể không đề cập tới không gian xanh trong đô thị. Trong vài thập kỷ gần đây, có thể thấy rõ những thay đổi sâu sắc về thái độ và cách ứng xử đối

với thiên nhiên của các thành phố châu Âu. Việc phủ xanh không chỉ có nghĩa là “làm đẹp” và “cải thiện”, và mỗi cây xanh không đơn thuần là một tiểu tiết trong hệ thống hạ tầng cơ sở. Việc tính toán các chức năng sinh thái của cây (chẳng hạn: thanh lọc không khí, tạo ra một lớp đất màu mỡ, hỗ trợ sự đa dạng sinh học, điều chỉnh sự trao đổi nước và vi khí hậu của các thành phố...) ngày càng trở nên quan trọng và cần thiết. Mỗi công dân sống trong thành phố đều nhận thấy điều này từ thực tiễn cuộc sống, chứ ít khi từ các bài giảng trong nhà trường. Thực vật hấp thụ nước và giải phóng nước bằng cách bay hơi, tạo ra hiệu ứng làm mát - yếu tố cực kỳ quan trọng trong mùa hè nắng nóng.

Moskva và nhiều thành phố lớn khác của Liên bang Nga cần đặc biệt lưu ý vấn đề cây xanh, bởi tại những nơi này - theo bà Ksenia Mokrushina, lãnh đạo Trung tâm nghiên cứu đô thị Skolkovo - cây xanh hầu như “chưa chứng tỏ giá trị đô thị”. Cây cối có chức năng sinh thái quan trọng, và chức năng đó cần phải được thể hiện trong giá trị của cây, cũng như khả năng chặt hạ cây. Nói cách khác, việc chặt cây sẽ vô cùng đắt giá, đặc biệt tại những khu vực ô nhiễm nhiều. Hiện nay, các nhà kinh tế môi trường EU đang có xu hướng quy đổi cây xanh ra tiền - thực hiện các thử nghiệm tính toán tính kinh tế của các “dịch vụ sinh thái” mà cây xanh mang lại cho thành phố và cư dân thành phố, nghĩa là cố gắng tính toán giá trị hoạt động của các khu vực xanh (làm sạch không khí, cải thiện điều kiện đất đai, tạo vùng tiểu khí hậu dễ chịu cho cư dân đô thị) và quy ra tiền tệ. Các tính toán như vậy là cần thiết và thích hợp nếu xảy ra xung đột giữa kế hoạch chặt phá công viên-rừng của chính quyền và/hoặc nhà đầu tư với mục đích xây dựng mới. Đây cũng là thực tế khá phổ biến của nhiều thành phố Nga. Các tính toán như vậy cũng sẽ giúp so sánh lợi ích tiềm năng của thành phố từ việc xây dựng một quận mới hoặc công trình hạ tầng mới với việc giữ gìn

nguyên trạng công viên hoặc rừng, có tính cả lợi ích về sức khỏe người dân.

Các nguyên tắc quản lý kinh tế xanh đô thị cũng đã thay đổi đáng kể tại các thành phố EU - ý tưởng “làm đẹp” đã chuyển sang ý tưởng “tính tự nhiên mới”. Việc trồng cây mới, các loài thực vật mới luôn đáng khuyến khích, quan trọng là cần lựa chọn những cây lâu năm, phù hợp với thổ nhưỡng và khí hậu địa phương. Theo nghĩa này, chức năng cơ bản của việc phủ xanh không phải là thường xuyên đổi mới cây trồng và chở đất mới đến (thay cho đất khô cằn, đất cũ) mà là củng cố năng lực hồi sinh (resilience) của các hệ sinh thái đô thị. Và nhiệm vụ chính của việc phủ xanh là đảm bảo hệ cây xanh tồn tại tốt, lâu dài, nước trong thành phố được lọc sạch mà không xâm phạm hệ sinh thái sông hồ và đa dạng sinh học. Hơn nữa, một cơ chế phục hồi đất tự nhiên nhờ cây xanh sẽ được duy trì trong đất, nếu điều này không xảy ra, lượng bụi sẽ tăng mạnh trong thành phố. Bản chất “cùng có lợi” của các biện pháp như vậy được minh chứng bằng sự xuất hiện các tổ ong đô thị như một trào lưu mới tại một loạt thành phố châu Âu. Luận điểm khoa học thuyết phục chính quyền địa phương ủng hộ các nhà nuôi ong đô thị là ong (cũng như các loài côn trùng thụ phấn tự nhiên) sẽ góp phần tăng đa dạng sinh học của hệ thực vật đô thị. Mặt khác, theo Beepic - doanh nghiệp quản lý các tổ ong trên mái Nhà thờ Đức Bà và nhiều không gian công cộng khác ở Paris - giờ đây ong dễ dàng tìm thấy thức ăn trong thành phố (do sự phong phú của cây trồng, thực vật trong các khu vườn, công viên và bãi cỏ) so với các vùng nông nghiệp, nơi hàng chục ha đất có thể chỉ chuyên canh một loại cây trồng.

Những sáng kiến cơ sở

Sẽ sai lầm nếu cho rằng những ý tưởng cơ bản về phát triển sinh thái của các thành phố được hình thành và thực hiện bởi chính quyền đô thị. Chính các tổ chức xã hội, các nhà hoạt động môi trường, các nhóm sáng kiến địa

phương liên tục đề xuất các sáng kiến xanh, tự hiện thực hóa hoặc với sự hỗ trợ của chính quyền địa phương. Ví dụ cho nhận định này là số lượng ngày càng tăng của các khu vườn công cộng như Prinzessinengarten tại Berlin hay Jardin Nomade tại Paris. Theo những nhà sáng lập các khu vườn Paris: Vườn không chỉ có hình thức vườn đô thị mà còn có vai trò là nơi cư dân trong khu vực giao tiếp với nhau, hình thành nên trung tâm cộng đồng thực sự cho người dân mọi lứa tuổi.

Vấn đề làm vườn đô thị đang rất cần thiết đối với các thành phố của Nga, ví dụ mới nhất là nông trại Andy thuộc dự án Etazhi đang được triển khai tại St. Petersburg. Những thành viên tham gia dự án nhiệt tình hướng dẫn cư dân đô thị trồng hoa, thảo mộc và rau trên đường phố, trong nhà và trên mái nhà (trong các bao, chậu, hoặc thùng chứa thích hợp được đổ đầy đất); phân loại rác thực phẩm; tự làm đất trồng cây; tổ chức các buổi giảng bài cho trẻ em và cả người lớn về lý thuyết và thực hành trồng cây trong điều kiện đô thị. Họ cũng rất ủng hộ ý tưởng về những vườn rau tại một số không gian công cộng trong thành phố.

Một xu hướng của các nhà hoạt động đô thị tại các thành phố châu Âu là đề ra những sáng kiến trong lĩnh vực sharing economy (kinh tế cùng tiêu dùng). Đó là những “chợ trời” nơi có thể trao đổi miễn phí (hoặc trả khoản tiền không đáng kể) quần áo, thực phẩm không sử dụng, hoặc các sáng kiến về nền tảng cùng sử dụng trực tuyến các công cụ để sửa chữa vật dụng gia đình... Cư dân đô thị EU còn có nhiều sáng kiến thú vị trong lĩnh vực xây dựng cơ bản và xây dựng hạ tầng - những lĩnh vực gần như không có chỗ cho các dự án DIY (do it yourself). Chẳng hạn, người dân Gothenburg (Thụy Điển) đã có sáng kiến xây trang trại gió của thành phố, có thể bảo đảm cho họ nguồn điện với giá thấp hơn nhiều so với điện lưới. Cư dân làng Feldheim (vùng Brandenburg, ngoại ô Berlin, Đức) đã biến những ngôi nhà của mình

thành tự chủ năng lượng hoàn toàn nhờ gió, mặt trời và biogas. Năng lượng họ tự sản xuất ra có giá rẻ chỉ bằng một phần tư so với giá của các doanh nghiệp năng lượng lớn, và lượng điện dư thừa họ bán lại cho lưới điện.

Các phương án cho nguy cơ biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu (BĐKH) là nguy cơ toàn cầu, ảnh hưởng từ BĐKH đã được cảm nhận rõ rệt trên toàn thế giới, EU cũng không ngoại lệ. Các nhà nghiên cứu đã chỉ rõ cần chuẩn bị tốt cho mọi hoàn cảnh (gia tăng các hiểm họa thiên nhiên, tăng/sụt giảm nhiệt độ toàn cầu, hạn hán, lũ lụt...). Các thành phố châu Âu cũng đã bắt đầu nghĩ tới những biện pháp thích ứng, đi tiên phong trong vấn đề này là các thành phố Bắc và Trung Âu.

Phần Lan là quốc gia EU đầu tiên thông qua Chiến lược thích ứng với BĐKH năm 2005; chiến lược ngay lập tức được áp dụng cụ thể tại các thành phố Helsinki, Turku, Tampere. Năm 2008, Chiến lược thích ứng BĐKH quốc gia của Đan Mạch được thông qua, là tiền đề để kế hoạch hành động thích ứng BĐKH của Thủ đô Copenhagen bắt đầu có hiệu lực kể từ năm 2011. Trong những năm gần đây, hầu hết các quốc gia EU và các thành phố lớn đã nghiên cứu các kế hoạch thích ứng với rủi ro khí hậu.

Trong bối cảnh hệ thống khí hậu toàn cầu mất cân bằng ngày càng nghiêm trọng, những giải pháp cơ bản để ứng phó đều hướng đến việc bảo vệ an toàn tối đa cho tất cả những gì hiện hữu (con người, nhà cửa, hạ tầng giao thông và hạ tầng năng lượng, bờ biển và đất đai), và đưa yếu tố khí hậu vào tất cả các tài liệu quy hoạch đô thị. Chẳng hạn: Luật khí hậu của Đan Mạch xem xét việc cấm xây dựng trong phạm vi 300m từ đường bờ biển, và đưa ra các hạn chế đáng kể đối với việc xây dựng trong phạm vi 3km. Ở một số vùng, các cồn cát và bãi biển bị đại dương lấn sâu dần đã được giải cứu thông qua việc gia cố bờ biển (đổ cát, dựng đê, kè chắn sóng). Đôi khi, các nhiệm vụ

củng cố bờ biển được giao cho các nhà đầu tư trong khu vực như là trách nhiệm đối với cộng đồng. Tại nhiều thành phố Phần Lan, đường bờ sông trong đô thị được trang bị hệ thống chống lũ lụt và phòng khi có lượng mưa quá lớn (bằng cách tăng các rào cản chống lũ và xây hồ thoát nước). Tài liệu quy hoạch đô thị của hầu hết các thành phố duyên hải EU đều có mục phân tích rủi ro ngập lụt, với các kịch bản BĐKH khác nhau. Stockholm, Malmo, Gothenburg của Thụy Điển đã nâng cao mức yêu cầu đối với xây dựng nhà ở, cụ thể đối với các khu vực có nguy cơ lũ lụt cao khuyến cáo xây nhà không có tầng hầm. Trong chiến lược thích ứng BĐKH của Hamburg (Đức), ngoài hiện đại hóa hệ thống chống lũ của thành phố và những yêu cầu mới đối với xây dựng còn xem xét cả việc hiện đại hóa hệ thống thoát nước mưa, bảo vệ cây xanh và cải thiện chất lượng không khí trong nhà.

Các thành phố Bắc Âu chủ yếu tập trung vào vấn đề bảo vệ chống bão và lũ lụt, trong khi đó, đối với các thành phố ở miền Trung và Nam Âu, vấn đề chính là chống nóng trong mùa hè và chất lượng không khí. Kế hoạch khí hậu của Stuttgart đề ra một loạt biện pháp cải thiện thực trạng bầu không khí trong thành phố, cụ thể là quy định không được lấn các hành lang thông gió, cản không khí trong lành từ các ngọn đồi bao quanh thành phố đi qua. Chính quyền thành phố cũng rất ủng hộ việc xuất hiện ngày càng nhiều mái nhà xanh và tường xanh (thông qua những yêu cầu đối với xây dựng mới, và chính sách trợ vốn cho các chủ công trình, chủ sở hữu). Hiện tại, Stuttgart được coi là một trong những thành phố đứng đầu EU về số lượng mái nhà xanh (hơn 60% lãnh thổ thành phố và các mái nhà được phủ xanh).

Kinh nghiệm xây dựng và thực hiện các chiến lược thích ứng BĐKH của các thành phố châu Âu có ý nghĩa quan trọng đối với Liên bang Nga. Cuối tháng 8/2018, tại Diễn đàn Khí hậu của các thành phố tổ chức tại Thủ đô

Moskva, phương án sơ bộ trong chiến lược tính toán rủi ro khí hậu và thích ứng BĐKH của Moskva đã được đưa ra. Một số vùng khác trong Liên bang trong đó có St. Petersburg cũng đã nghiên cứu các kế hoạch tương tự.

Mục tiêu chính của tất cả các biện pháp phân tích trong bài viết này - khiến các thành phố châu Âu trở nên đáng sống, sạch sẽ và an toàn hơn đối với các hoạt động sống và sức khỏe của cư dân. Trong bối cảnh đô thị hóa gia tăng, mỗi thành phố vẫn cần phải được duy trì là nơi người dân có thể tiếp cận dễ dàng với khu

vực nước và các công viên, hiểu rõ thực trạng môi trường tại từng khu vực, hiểu rõ chính quyền cần làm gì, và bản thân có thể tự đề xuất, tự thực hiện những gì. Đó đều là những bài học kinh nghiệm trong lĩnh vực quy hoạch đô thị đối với các thành phố của Nga đang trong giai đoạn chuyển đổi.

Angelina Davydova

Nguồn: Trang tin www.eu.komercant.ru

tháng 11/2018

ND: Lệ Minh

ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ HỌC VIỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ NHIỆM KỲ 2020 - 2025: ĐOÀN KẾT - SÁNG TẠO - ĐỔI MỚI - PHÁT TRIỂN

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2020



Đồng chí Lê Văn Toàn, Phó Bí thư thường trực Đảng ủy, Vụ trưởng Vụ TCCB Bộ Xây dựng phát biểu chỉ đạo Đại hội



Đồng chí Trần Hữu Hà, Giám đốc Học viện, Bí thư Đảng ủy Học viện nhiệm kỳ 2015 - 2020 trình bày Báo cáo chính trị tại Đại hội